

SBD	HỌ	TÊN	NG SINH	NƠI SINH	XL TỐT NGHIỆP	SỐ HIỆU BẢNG	SỐ VÀO SỐ
QB/ 592 ĐT/ĐHDT NGÀY 24/ 05/2009							
K07.405.5590	Lê Xuân	Hoàn	290681	THANH HÓA	TB Khá	A288848	196KD32
K09.405.9293	Nguyễn Thanh	Tiến	151084	TP Đà Nẵng	Trung Bình	A288849	188KD32
K10.405.0672	Lê Thanh	Đức	051085	Quảng Bình	Trung Bình	A288850	189KD32
K10.405.0706	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	010885	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288851	190KD32
K10.405.0716	Đặng Trung	Hải	080185	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288852	191KD32
K10.405.0719	Hồ Thị Thu	Hằng	260385	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288853	192KD32
K10.405.0720	Hồng Thị Phương	Hằng	100885	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288854	193KD32
K10.405.0778	Đoàn Thị Phương	Nga	020685	TP Đà Nẵng	Khá	A288855	194KD32
K10.405.0839	Phạm Thị Lệ	Thúy	020985	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288856	195KD32
K11.456.0705	Trần Thị Thu	Hà	130186	Thừa thiên-Huế	Khá	A289411	32KD32
K11.456.1195	Nguyễn Thị Thu	Sương	140787	Quảng Ngãi	Giỏi	A289412	33KD32
K11.456.1250	Lê Viết Trọng	Cừ	010186	TP Đà Nẵng	Khá	A289413	34KD32
K11.456.1251	Phạm Thị Hồng	Diễm	140187	Bình Định	Giỏi	A289414	35KD32
K11.456.1252	Đỗ Thị Mai	Diễm	170787	Quảng Ngãi	Khá	A289415	36KD32
K11.456.1253	Hà Ngô Xuân	Dung	191287	TP Đà Nẵng	Giỏi	A289416	37KD32
K11.456.1254	Nguyễn Thị Phương	Dung	301188	TP Đà Nẵng	Giỏi	A289417	38KD32
K11.456.1255	Phạm Thị Mỹ	Dung	200687	Quảng Nam	Khá	A288543	39KD32
K11.456.1256	Trần Thị Thuý	Dung	100386	Quảng Bình	Khá	A288544	40KD32
K11.456.1257	Đỗ Lê Kim	Dung	280486	Quảng Nam	Khá	A288545	41KD32
K11.456.1258	Đậu Thị Thuý	Dung	140686	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A288546	42KD32
K11.456.1259	Lê Thị Ánh	Duyên	010587	Quảng Bình	Khá	A288547	43KD32
K11.456.1260	Nguyễn Thị Lan	Duyên	200285	Quảng Nam	Khá	A288548	44KD32
K11.456.1261	Nguyễn Cảnh Trường	Giang	040786	Bắc Thái	Trung Bình Khá	A288549	45KD32
K11.456.1262	Lê Thị Ngọc	Hà	271287	Quảng Bình	Giỏi	A288550	46KD32
K11.456.1263	Võ Thị Phương	Hà	280486	Quảng Trị	Khá	A288551	47KD32
K11.456.1265	Nguyễn Văn	Hào	210485	Nghệ An	Trung Bình Khá	A288552	48KD32
K11.456.1266	Nguyễn Thị Hương	Hải	310786	Thừa thiên-Huế	Khá	A288553	49KD32
K11.456.1270	Lưu Thị Thuý	Hạnh	071287	KonTum	Khá	A288554	50KD32

K11.456.1271	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	020287	Quảng Trị	Khá	A288555	51KD32
K11.456.1272	Phạm Thị Minh	Hạnh	081187	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288556	52KD32
K11.456.1273	Hà Thị Mỹ	Hạnh	261187	KonTum	Khá	A288557	53KD32
K11.456.1274	Lê Thị Hồng	Hạnh	010987	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288558	54KD32
K11.456.1275	Cao Thị Nguyên	Hiền	220787	Thừa thiên-Huế	Giỏi	A288559	55KD32
K11.456.1277	Nguyễn Thị Thu	Hiền	120587	Quảng Bình	Khá	A288560	56KD32
K11.456.1278	Nguyễn Thị Thu	Hiền	040785	Nghệ An	Trung Bình Khá	A288561	57KD32
K11.456.1281	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	090186	TP Đà Nẵng	Khá	A288562	58KD32
K11.456.1282	Nguyễn Công Như	Hiền	050287	Quảng Nam	Khá	A288563	59KD32
K11.456.1283	Trần Thị Ái	Hoa	150787	Quảng Nam	Khá	A288564	60KD32
K11.456.1285	Nguyễn Thị	Hoà	241087	Thanh Hóa	Khá	A288565	61KD32
K11.456.1286	Hoàng Hải	Hoài	210386	Hà Nam	Trung Bình Khá	A288566	62KD32
K11.456.1287	Lê Thị Như	Hoàng	240686	Quảng Nam	Khá	A288567	63KD32
K11.456.1288	Đặng Hữu Cẩm	Hoàng	080186	Thừa thiên-Huế	Khá	A288568	64KD32
K11.456.1289	Võ Thị Diệu	Huyền	281185	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288569	65KD32
K11.456.1290	Nguyễn Thị Minh	Huệ	281086	Quảng Ngãi	Giỏi	A288570	66KD32
K11.456.1291	Lê Văn	Hùng	300386	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288571	67KD32
K11.456.1293	Nguyễn	Hùng	080686	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288572	68KD32
K11.456.1294	Lê Thị	Hồng	150187	Nghệ An	Khá	A288573	69KD32
K11.456.1295	Nguyễn Khánh Thu	Hằng	040986	Quảng Nam	Giỏi	A288574	70KD32
K11.456.1297	Nguyễn Thị	Hằng	010887	Nam Định	Khá	A288575	71KD32
K11.456.1298	Nguyễn Thị Minh	Hung	180187	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288576	72KD32
K11.456.1299	Nguyễn Thị Mai	Hương	020786	Quảng Bình	Khá	A288577	73KD32
K11.456.1300	Phạm Chí	Kiên	290984	TP Hà Nội	Khá	A288578	74KD32
K11.456.1301	Nguyễn Thu	Lan	090686	Quảng Nam	Khá	A288579	75KD32
K11.456.1302	Võ Thị Ngọc	Lan	091286	Đắc Lắc	Khá	A288580	76KD32
K11.456.1303	Lê Phương	Linh	171285	Quảng Nam	Khá	A288581	77KD32
K11.456.1304	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	011186	Nghệ An	Khá	A288582	78KD32
K11.456.1305	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	250586	Quảng Trị	Giỏi	A288583	79KD32
K11.456.1306	Trần Thị Trà	Linh	160986	TP Đà Nẵng	Khá	A288584	80KD32

K11.456.1307	Trần Diễm	Linh	121187	TP Đà Nẵng	Khá	A288585	81KD32
K11.456.1308	Đỗ Thị Bé	Liên	020985	Quảng Trị	Khá	A288586	82KD32
K11.456.1310	Nguyễn Thị Thanh	Loan	280686	Quảng Nam	Giỏi	A288587	83KD32
K11.456.1311	Nguyễn Thị Ngọc	Long	090588	Quảng Bình	Khá	A288588	84KD32
K11.456.1313	Lê Thị Mai	Ly	101186	TP Đà Nẵng	Khá	A288589	85KD32
K11.456.1314	Trần Thị Khánh	Ly	241086	Quảng Nam	Khá	A288590	86KD32
K11.456.1316	Trần Thị	Lý	100785	Quảng Trị	Khá	A288591	87KD32
K11.456.1318	Đào Sơn	Lâm	070586	Quảng Bình	Khá	A288592	88KD32
K11.456.1320	Nguyễn Thị Hoa	Mai	300786	Quảng Bình	Khá	A288593	89KD32
K11.456.1322	Đỗ Thị Anh	Minh	060186	Quảng Bình	Khá	A288594	90KD32
K11.456.1324	Dương Thị Y	Mơ	291287	Quảng Nam	Khá	A288595	91KD32
K11.456.1325	Phạm Thị Tú	Na	040587	Bình Định	Khá	A288596	92KD32
K11.456.1326	Trần Thị Thuý	Nga	210186	Quảng Bình	Khá	A288597	93KD32
K11.456.1327	Đặng Thị Thanh	Nga	280487	Quảng Nam	Khá	A288598	94KD32
K11.456.1329	Nguyễn Trung	Nghĩa	151187	TP Đà Nẵng	Khá	A288599	95KD32
K11.456.1331	Phan Thị Hồng	Ngọc	120186	TP Đà Nẵng	Khá	A288600	96KD32
K11.456.1332	Lê Thị Thu	Nguyệt	191086	Thanh Hóa	Khá	A288501	97KD32
K11.456.1333	Võ Thị Trang	Nhã	190587	Bình Định	Trung Bình Khá	A288502	98KD32
K11.456.1334	Nguyễn Thị	Nhạn	101085	Nghệ An	Khá	A288503	99KD32
K11.456.1335	Mai Thị Hồng	Nhung	100487	Quảng Bình	Khá	A288504	100KD32
K11.456.1336	Trần Thị Hồng	Nhớ	040687	Quảng Nam	Giỏi	A288505	101KD32
K11.456.1337	Nguyễn Xuân	Ninh	200885	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288506	102KD32
K11.456.1338	Lê Hàn	Ny	200686	Quảng Nam	Khá	A288507	103KD32
K11.456.1339	Nguyễn Thị Kim	Oanh	250686	Quảng Nam	Khá	A288508	104KD32
K11.456.1340	Võ Thị Kim	Oanh	020386	Quảng Trị	Khá	A288509	105KD32
K11.456.1341	Võ Quốc	Phong	251083	Quảng Nam	Khá	A288510	106KD32
K11.456.1345	Nguyễn Lê	Phương	291086	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288511	107KD32
K11.456.1346	Đoàn Thị Minh	Phượng	030186	Thừa thiên-Huế	Khá	A288512	108KD32
K11.456.1347	Trần Hồng	Phượng	220486	Quảng Nam	Giỏi	A288513	109KD32
K11.456.1348	Đặng Thị Thu	Phượng	200987	TP Đà Nẵng	Khá	A288514	110KD32

K11.456.1349	Bùi Đoàn Tâm	Quyên	140887	Quảng Trị	Khá	A288515	111KD32
K11.456.1350	Vũ Kiên	Quyết	081186	Ninh Bình	Khá	A288516	112KD32
K11.456.1351	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	051287	Gia Lai	Khá	A288517	113KD32
K11.456.1353	Nguyễn Thị Hương	Quế	230987	Quảng Nam	Khá	A288518	114KD32
K11.456.1355	Nguyễn Thị	Sáu	100186	Quảng Bình	Giỏi	A288519	115KD32
K11.456.1356	Nguyễn Thị Hồng	Sương	030686	Quảng Ngãi	Giỏi	A288520	116KD32
K11.456.1357	Tạ Thị Thuý	Sương	010387	Quảng Ngãi	Khá	A288521	117KD32
K11.456.1358	Lê Thị Thu	Sương	180786	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288522	118KD32
K11.456.1360	Lê Thị	Thanh	170386	Nghệ An	Giỏi	A288523	119KD32
K11.456.1361	Phan Thị Cẩm	Thanh	010186	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288524	120KD32
K11.456.1363	Hồ Thuý	Thảo	080985	TP Đà Nẵng	Khá	A288525	121KD32
K11.456.1367	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	230587	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288526	132KD32
K11.456.1368	Vũ Nguyễn Hạnh	Thảo	031087	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288527	133KD32
K11.456.1369	Văn Thị Thu	Thảo	071087	Quảng Nam	Khá	A288528	134KD32
K11.456.1370	Lê Thị Phương	Thảo	090886	Quảng Bình	Khá	A288529	135KD32
K11.456.1372	Tôn Nữ Phương	Thảo	291086	Thừa thiên-Huế	Khá	A288530	136KD32
K11.456.1375	Nguyễn Thị Kim	Thoa	280886	Nghệ An	Khá	A288531	137KD32
K11.456.1376	Nguyễn Thị Hoài	Thu	050884	Quảng Bình	Khá	A288532	138KD32
K11.456.1378	Huỳnh Lê Thanh	Thúy	011086	Bình Định	Khá	A288533	139KD32
K11.456.1380	Lê Thị Kim	Thúy	300386	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288534	140KD32
K11.456.1382	Hồ Thị	Thúy	190587	Quảng Bình	Khá	A288535	141KD32
K11.456.1385	Phan	Thuận	270784	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288536	142KD32
K11.456.1387	Ngô Thị Kim	Thâu	291085	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A288537	143KD32
K11.456.1388	Phạm Trần Anh	Thư	080887	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288538	144KD32
K11.456.1389	Trần Thị Anh	Thư	160387	Quảng Nam	Giỏi	A288539	145KD32
K11.456.1390	Huỳnh Thị Thanh	Tiếp	040886	Quảng Nam	Khá	A288541	146KD32
K11.456.1393	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	281087	Gia Lai	Khá	A288542	147KD32
K11.456.1395	Nguyễn Thị Đoan	Trang	150887	Quảng Nam	Giỏi	A288645	148KD32
K11.456.1396	Phạm Lê Huyền	Trang	140587	Quảng Bình	Khá	A288644	149KD32
K11.456.1397	Thân Thị Huyền	Trang	140187	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288643	150KD32

K11.456.1398	Trịnh Thị	Trang	130386	Gia Lai	Khá	A288642	151KD32
K11.456.1399	Võ Thị Minh	Trang	070586	Đồng Nai	Giỏi	A288826	152KD32
K11.456.1400	Huỳnh Lê Thuỳ	Trang	290887	Quảng Nam	Giỏi	A288640	153KD32
K11.456.1401	Mai Thị	Trang	091186	TP Đà Nẵng	Khá	A288639	154KD32
K11.456.1402	Đoàn Thị Thu	Trang	200486	Thanh Hóa	Trung Bình Khá	A288638	155KD32
K11.456.1403	Phan Thị Tuyết	Trinh	010287	Quảng Nam	Khá	A288637	156KD32
K11.456.1405	Trần Thị Thu	Triều	080486	Quảng Nam	Khá	A288540	157KD32
K11.456.1408	Hoàng Thị Ngọc	Truyền	130286	Bình Định	Trung Bình Khá	A288636	158KD32
K11.456.1409	Trần Thị	Trúc	080887	Quảng Bình	Khá	A288635	159KD32
K11.456.1410	Lê Thuỵ Bích	Trâm	171286	TP Đà Nẵng	Khá	A288827	160KD32
K11.456.1411	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	271287	TP Đà Nẵng	Khá	A288633	161KD32
K11.456.1412	Vũ Lê Bảo	Trân	171187	Quảng Nam	Khá	A288632	162KD32
K11.456.1413	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	020386	Quảng Nam	Khá	A288631	163KD32
K11.456.1414	Trần Thị	Tuyết	200984	Quảng Nam	Khá	A288630	164KD32
K11.456.1415	Lê Anh	Tuấn	050887	Quảng Trị	Khá	A288629	165KD32
K11.456.1417	Hồ Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	100487	Bình Định	Khá	A288628	166KD32
K11.456.1418	Phan Thị Thanh	Tâm	220287	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288627	167KD32
K11.456.1419	Nguyễn Thị Phương	Tâm	280687	TP Đà Nẵng	Khá	A288626	168KD32
K11.456.1421	Trần Thị Hoàng	Vi	260486	Quảng Nam	Khá	A288625	169KD32
K11.456.1422	Nguyễn Thị Lương	Viên	070385	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288624	170KD32
K11.456.1423	Nguyễn Trần	Việt	021187	Bình Định	Khá	A288623	171KD32
K11.456.1424	Lê Thị Hồng	Vĩ	180386	Quảng Ngãi	Khá	A288622	172KD32
K11.456.1426	Lê Thị Vân	Vy	250886	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288621	173KD32
K11.456.1427	Nguyễn Thị	Vân	160685	Quảng Bình	Khá	A288620	174KD32
K11.456.1428	Phạm Thị Hồng	Vân	100986	Quảng Bình	Khá	A288619	175KD32
K11.456.1429	Hoàng Hải	Yến	151086	Quảng Bình	Khá	A288618	176KD32
K11.456.1430	Nguyễn Thị Hải	Yến	020687	Nghệ An	Khá	A288617	177KD32
K11.456.1431	Tô Thị Hải	Yến	210786	Hòa Bình	Trung Bình Khá	A288616	178KD32
K11.456.1433	Nguyễn Văn	Ý	021085	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288615	179KD32
K11.456.1434	Phạm Thị	Ân	101085	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288614	180KD32

K11.456.1436	Nguyễn Phương	Đông	050686	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288613	181KD32
K11.456.1437	Đỗ Thị	Đông	240487	Quảng Trị	Giỏi	A288612	182KD32
K11.456.1438	Hồ Minh	Đức	240986	Qui nhơn	Khá	A288611	183KD32
K11.456.1439	Nguyễn Anh	Đức	191187	Quảng Bình	Giỏi	A288610	184KD32
K11.456.1785	Kiều Thế	Vinh	020184	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288609	185KD32
K11.456.1799	Nguyễn Thị Hương	Lan	311084	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288608	186KD32
K11.456.1267	Nguyễn Thị Thanh	Hải	111286	TP Đà Nẵng	Khá	A288837	187KD32
K07.404.4278	Hà Phúc Thanh	Sơn	280282	ĐÀ NẴNG	Trung Bình	A288858	368KK27
K08.404.6646	Lê Thị	Hường	30242	Hải Dương	Trung Bình	A288859	367KK27
K09.404.9109	Ngô Đức	Thành	020783	Quảng Bình	Trung Bình	A288860	365KK27
K09.404.9132	Đậu Thị	Trang	070983	Nghệ An	TB. Khá	A288861	366KK27
K10.404.0503	Nguyễn Thị Thuý	Dương	230485	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288862	358KK27
K10.404.0537	Cao Thị	Hoa	040685	Thanh Hóa	Trung Bình Khá	A288863	359KK27
K10.404.0553	Bùi Thanh	Lam	010485	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288774	360KK27
K10.404.0564	Hoàng Thị Phương	Loan	270984	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288865	361KK27
K10.404.0601	Lê Hữu	Quang	231085	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A288866	362KK27
K10.404.1107	Nguyễn Anh	Vũ	190884	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288867	363KK27
K10.404.8684	Nguyễn Trung	Kiên	071185	Nam Định	Trung Bình Khá	A288868	364KK27
K11.455.1067	Nguyễn Thị Thuý	An	111085	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288346	204KK27
K11.455.1069	Dương Thị Hoàng	Anh	190187	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288347	205KK27
K11.455.1071	Mai Tú	Anh	300386	Thừa thiên-Huế	Khá	A288348	206KK27
K11.455.1072	Trần Thị Vân	Anh	250587	Gia Lai	Khá	A288349	207KK27
K11.455.1073	Lê Thị Vân	Anh	260687	Quảng Trị	Khá	A288350	208KK27
K11.455.1075	Vũ Đức	Anh	121285	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A288351	209KK7
K11.455.1076	Huỳnh Thy Ngọc	Bích	190584	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A288352	210KK7
K11.455.1077	Nguyễn Văn	Chánh	050387	Quảng Nam	Khá	A288353	211KK7
K11.455.1079	Lê Thị Thu	Diệp	060184	Quảng Bình	Khá	A288354	212KK7
K11.455.1080	Hoàng	Dung	280688	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A288355	213KK27
K11.455.1081	Hoàng Thị	Dung	271285	Quảng Bình	Khá	A288356	214KK27
K11.455.1082	Hoàng Thị Hà	Dung	151086	Quảng Bình	Khá	A288357	215KK27

K11.455.1084	Nguyễn Thị	Dung	100287	Quảng Bình	Giỏi	A288358	216KK27
K11.455.1085	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	100487	Bình Định	Trung Bình Khá	A288359	217KK27
K11.455.1086	Nguyễn Trần	Duy	060487	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A288360	218KK27
K11.455.1087	Nguyễn Anh	Dũng	301184	Quảng Trị	Khá	A288361	219KK27
K11.455.1088	Nguyễn Lê	Hà	170986	Đắc Lắc	Khá	A288362	220KK27
K11.455.1089	Phan Thị Thu	Hà	231085	Quảng Bình	Khá	A288364	221KK27
K11.455.1090	Đặng Văn	Hà	150585	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288365	222KK27
K11.455.1091	Nguyễn Thị Ngân	Hà	180187	Quảng Trị	Khá	A288366	223KK27
K11.455.1092	Vũ Thị	Hải	120986	Thanh Hóa	Trung Bình Khá	A288367	224KK27
K11.455.1093	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	251087	Quảng Nam	Giỏi	A288368	225KK27
K11.455.1094	Đậu Thị	Hiên	020185	Nghệ An	Khá	A288369	226KK27
K11.455.1095	Lê Thị Thanh	Hiên	030686	Thừa thiên-Huế	Khá	A288370	227KK27
K11.455.1096	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	100987	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288371	228KK27
K11.455.1097	Đoàn Thị Thu	Hiên	290586	Quảng Bình	Giỏi	A288372	229KK27
K11.455.1098	Triệu Thị Ngọc	Hiên	211087	Quảng Nam	Khá	A288373	230KK27
K11.455.1099	Hoàng Thị Kim	Hoa	030287	KonTum	Giỏi	A288374	231KK27
K11.455.1101	Nguyễn Thị Minh	Hoà	110184	Quảng Ngãi	Khá	A288375	232KK27
K11.455.1102	Nguyễn Thị Thanh	Hoà	270387	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288376	233KK27
K11.455.1104	Đặng Thị	Hoài	101085	Quảng Bình	Giỏi	A288377	234KK27
K11.455.1105	Phan Thị Mỹ	Hoàng	290887	Quảng Ngãi	Khá	A288378	235KK27
K11.455.1106	Nguyễn Quốc	Huy	020885	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288379	236KK27
K11.455.1107	Lê Thị Diệu	Huyền	160387	Quảng Ngãi	Khá	A288380	237KK27
K11.455.1108	Nguyễn Xuân Diệu	Huyền	141187	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A288381	238KK27
K11.455.1109	Phan Thị Thanh	Huyền	060185	Quảng Bình	Khá	A288382	239KK27
K11.455.1110	Võ Thị Hoa	Huệ	190986	Nghệ An	Trung Bình Khá	A288383	240KK27
K11.455.1113	Phạm Thị	Hồng	020987	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288384	241KK27
K11.455.1114	Phạm Thị Thanh	Hồng	180387	Quảng Nam	Khá	A288385	242KK27
K11.455.1115	Võ Thị Ánh	Hồng	290687	Quảng Nam	Khá	A288386	243KK27
K11.455.1117	Nguyễn Việt	Hằng	040986	Đắc Lắc	Giỏi	A288387	244KK27
K11.455.1118	Trịnh Thị Thanh	Hằng	160886	Nghệ An	Khá	A288388	245KK27

K11.455.1119	Phạm Thị Thu	Hằng	031186	Hà Tĩnh	Khá	A288389	246KK27
K11.455.1120	Phạm Thị	Hương	190887	Hà Tĩnh	Khá	A288390	247KK27
K11.455.1121	Văn Thị Diễm	Hương	310387	Quảng Nam	Khá	A288391	248KK27
K11.455.1123	Vũ Nguyệt	Khánh	080886	Gia Lai	Khá	A288392	249KK27
K11.455.1124	Đinh Quốc	Khánh	010986	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A288393	250KK27
K11.455.1126	Đỗ Thị Thuý	Kiều	190587	Quảng Ngãi	Khá	A288394	251KK27
K11.455.1127	Hồ Thị	Lan	161185	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288395	252KK27
K11.455.1128	Lê Thị Hương	Lan	260387	Quảng Bình	Giỏi	A288396	253KK27
K11.455.1129	Nguyễn Thị Diệu	Lan	300686	Thừa thiên-Huế	Khá	A288397	254KK27
K11.455.1130	Đặng Thị Phương	Lan	230687	Đắc Lắc	Khá	A288398	255KK27
K11.455.1131	Lương Thị	Li	190787	Quảng Nam	Khá	A288399	256KK27
K11.455.1132	Lê Thị Hoài	Linh	221087	Gia Lai	Khá	A288400	257KK27
K11.455.1133	Lữ Thị Khánh	Linh	030686	TP Đà Nẵng	Khá	A288301	258KK27
K11.455.1134	Nguyễn Ngọc Diệu	Linh	160986	Thừa thiên-Huế	Giỏi	A288302	259KK27
K11.455.1135	Nguyễn Thị Diệu	Linh	291287	Đắc Lắc	Khá	A288303	265KK27
K11.455.1136	Hồ Thị Bích	Liên	011087	Quảng Nam	Khá	A288304	260KK27
K11.455.1137	Nguyễn Hồng	Linh	111084	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288305	261KK27
K11.455.1139	Phạm Thị Kim	Loan	010186	Quảng Nam	Khá	A288306	262KK27
K11.455.1140	Hoàng Phước	Long	190685	Quảng Trị	Khá	A288307	263KK27
K11.455.1141	Nguyễn Thanh	Luật	230987	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288308	264KK27
K11.455.1142	Nguyễn Thị Kim	Lý	050587	Bình Định	Khá	A288309	266KK27
K11.455.1143	Trần Thị	Lệ	280987	Quảng Nam	Khá	A288310	267KK27
K11.455.1144	Nguyễn Thị Hồng	Lơ	020386	Thái Bình	Khá	A288311	268KK27
K11.455.1146	Đinh Thị	Mai	130685	Ninh Bình	Khá	A288312	269KK27
K11.455.1147	Nguyễn Văn	Mão	151087	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A288313	270KK27
K11.455.1148	Đào Thị	Minh	040187	Thái Bình	Khá	A288314	271KK27
K11.455.1149	Hoàng Trường	Minh	240186	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288315	272KK27
K11.455.1150	Mai Thị	Miên	180686	Thanh Hóa	Khá	A288316	273KK27
K11.455.1152	Hoàng Thị	Nga	040286	Quảng Bình	Khá	A288317	274KK27
K11.455.1153	Nguyễn Thị Thanh	Nga	260286	Quảng Nam	Khá	A288318	275KK27

K11.455.1154	Lê Thị Bích	Nga	090486	TP Đà Nẵng	Khá	A288319	276KK27
K11.455.1155	Lương Thị Ánh	Nga	170187	Quảng Nam	Khá	A288320	277KK27
K11.455.1157	Lê Thị Bích	Ngọc	030687	Quảng Nam	Giỏi	A288321	278KK27
K11.455.1158	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	310786	Quảng Nam	Khá	A288322	279KK27
K11.455.1159	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	161187	Quảng Ngãi	Khá	A288323	280KK27
K11.455.1160	Hoàng Thị Bình	Nguyên	161187	Quảng Bình	Khá	A288332	281KK27
K11.455.1161	Nguyễn Thị Thái	Nguyên	161084	Quảng Nam	Khá	A288324	282KK27
K11.455.1163	Đặng Thị Thảo	Nguyên	140387	Quảng Bình	Giỏi	A288325	283KK27
K11.455.1164	Hoàng Nữ Tuyết	Ngân	291187	Quảng Bình	Giỏi	A288326	284KK27
K11.455.1165	Nguyễn Thị	Ngân	260686	Quảng Bình	Khá	A288327	285KK27
K11.455.1166	Nguyễn Thị	Nhàn	200986	Quảng Bình	Khá	A288328	286KK27
K11.455.1167	Võ Thị	Nhi	060187	TP Đà Nẵng	Khá	A288329	287KK27
K11.455.1168	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	200186	TP Đà Nẵng	Khá	A288330	288KK27
K11.455.1170	Phan Thị Tuyết	Nhung	041087	Quảng Bình	Khá	A288331	289KK27
K11.455.1171	Lê Đỗ Huỳnh	Như	101187	Quảng Nam	Giỏi	A288333	290KK27
K11.455.1172	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	230987	Quảng Nam	Khá	A288334	291KK27
K11.455.1173	Lương Thị	Oanh	040487	Thanh Hóa	Khá	A288335	292KK27
K11.455.1175	Nguyễn Thị	Phát	210887	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A288336	293KK7
K11.455.1176	Hoàng Văn	Phi	100286	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A288337	294KK27
K11.455.1177	Hồ Thị	Phương	161086	Nghệ An	Trung Bình Khá	A288338	295KK27
K11.455.1178	Lê Thị Mai	Phương	230886	Quảng Trị	Giỏi	A288339	296KK27
K11.455.1179	Lê Thị Quỳnh	Phương	300385	Quảng Bình	Khá	A288340	297KK27
K11.455.1180	Phạm Hồng Thanh	Phương	040686	Gia Lai	Khá	A288341	298KK27
K11.455.1181	Trần Lê	Phương	090686	Gia Lai	Khá	A288342	299KK27
K11.455.1182	Trương Thị Hoài	Phương	310886	Quảng Bình	Giỏi	A288343	300KK27
K11.455.1183	Đoàn Ngọc	Phương	111186	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288344	301KK27
K11.455.1184	Lý Võ Linh	Phương	120287	Quảng Nam	Khá	A288345	302KK27
K11.455.1186	Đỗ Thị Linh	Phương	101087	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A289402	303KK27
K11.455.1188	Đỗ Thị Thuý	Phượng	060685	Quảng Ngãi	Khá	A289403	304KK27
K11.455.1189	Lê Thị Hoàng	Quyên	231087	Quảng Bình	Khá	A289404	305KK27

K11.455.1190	Lê Thị Hoàng	Quyên	070387	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A289405	306KK27
K11.455.1191	Võ Thị Thuý	Quỳnh	021187	Bình Định	Khá	A289407	307KK27
K11.455.1192	Đào Thị	Quỳnh	080987	Thanh Hóa	Trung Bình Khá	A289406	308KK27
K11.455.1193	Nguyễn Thị Mỹ	Sen	141087	KonTum	Khá	A289408	309KK27
K11.455.1194	Lê Thị Ngọc	Sâm	260186	Quảng Nam	Khá	A289409	310KK27
K11.455.1196	Trần Duy	Thanh	150986	Bình Định	Khá	A289410	311KK27
K11.455.1197	Vũ Đức	Thành	260886	Đắc Lắc	Khá	A288606	312KK27
K11.455.1198	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	020586	Quảng Nam	Khá	A288605	313KK27
K11.455.1199	Phùng Thị Thu	Thảo	240687	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288604	314KK27
K11.455.1201	Đỗ Thị	Thu	200187	Thanh Hóa	Khá	A288603	315KK27
K11.455.1202	Dương Thị Hoài	Thu	180586	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A288602	316KK27
K11.455.1203	Nguyễn Lâm Thanh	Thuý	031087	Bình Định	Khá	A288601	317KK27
K11.455.1204	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	110586	Gia Lai	Trung Bình Khá	A288700	318KK27
K11.455.1205	Vũ Thị	Thủy	010484	Thanh Hóa	Khá	A288699	319KK27
K11.455.1206	Hoàng Thị Thu	Thủy	290685	TP Đà Nẵng	Khá	A288698	320KK27
K11.455.1207	Ngô Văn	Thắng	100486	Quảng Bình	Khá	A288697	321KK27
K11.455.1208	Nguyễn Thị Mỹ	Thơ	210686	Quảng Trị	Khá	A288696	322KK27
K11.455.1209	Nguyễn Thị	Thư	041086	Nghệ An	Khá	A288695	323KK27
K11.455.1210	Hà Thị Hoài	Thương	170186	Quảng Trị	Khá	A288694	324KK27
K11.455.1211	Trần Ngọc Hoài	Thương	050187	Bình Định	Khá	A288693	325KK27
K11.455.1212	Nguyễn Thị Hoài	Thương	010887	Quảng Bình	Khá	A288692	326KK27
K11.455.1214	Đỗ Thị	Toán	021086	Thanh Hóa	Khá	A288691	327KK27
K11.455.1216	Nguyễn Thị Huyền	Trang	220887	Quảng Nam	Giỏi	A288690	328KK27
K11.455.1217	Nguyễn Thị Thuý	Trang	131187	Thanh Hóa	Khá	A288689	329KK27
K11.455.1218	Đặng Thị Lan	Trình	230585	TP Đà Nẵng	Khá	A288688	330KK27
K11.455.1219	Phạm Khánh	Trình	290686	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288687	331KK27
K11.455.1220	Phan Võ Diệu	Trí	310387	Bình Định	Khá	A288686	332KK27
K11.455.1221	Hồ Minh	Trí	070887	Bình Định	Trung Bình Khá	A288685	333KK27
K11.455.1223	Huỳnh Thị Huyền	Trâm	030687	Quảng Nam	Khá	A288684	334KK27
K11.455.1226	Phạm Trịnh Thanh	Tuyền	300687	TP Đà Nẵng	Khá	A288683	335KK27

K11.455.1228	Tổng Văn	Tuấn	021085	Thanh Hóa	Trung Bình Khá	A288682	336KK27
K11.455.1230	Đỗ Thị Thanh	Tâm	220785	Đắc Lắc	Khá	A288681	337KK27
K11.455.1231	Hồ Trương Công	Tâm	160886	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288680	338KK27
K11.455.1232	Võ Thị Minh	Tâm	051286	Thừa thiên-Huế	Khá	A288679	339KK27
K11.455.1233	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	150286	Gia Lai	Khá	A288678	340KK27
K11.455.1235	Hà	Việt	160788	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288677	341KK27
K11.455.1236	Nguyễn Thanh	Việt	190987	Bình Định	Trung Bình Khá	A288676	342KK27
K11.455.1237	Phạm Thị	Việt	210486	Thanh Hóa	Khá	A288675	343KK27
K11.455.1238	Trần Thị Tường	Vy	130987	Quảng Ngãi	Khá	A288674	344KK27
K11.455.1239	Nguyễn Thị Y	Vân	230887	Quảng Ngãi	Khá	A288673	345KK27
K11.455.1240	Phan Thị Mỹ	Vân	061286	Quảng Nam	Khá	A288672	346KK27
K11.455.1241	Nguyễn Đình	Văn	231185	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288671	347KK27
K11.455.1242	Đặng Thị Bích	Xuân	190187	Quảng Nam	Giỏi	A288670	348KK27
K11.455.1244	Nguyễn Thành	Đông	171086	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288669	349KK27
K11.455.1330	Bùi Thị Bích	Ngọc	230787		Trung Bình Khá	A288668	350KK27
K11.455.1354	Phùng Đặng	Sanh	200287	Bình Định	Trung Bình Khá	A288667	351KK27
K11.455.1371	Nguyễn Thị Hương	Thảo	011287	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288775	352KK27
K11.455.1373	Nguyễn Thị	Thạo	031087	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288665	353KK27
K11.455.1374	Phạm Huỳnh Anh	Thi	040987		Khá	A288664	354KK27
K11.455.1425	Trương Thị Tường	Vy	261086	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A288663	355KK27
K11.455.1145	Nguyễn Tấn	Lợi	070387	Bình Định	Trung Bình Khá	A288831	356KK27
K11.455.1315	Trần Thị Mai	Ly	190486	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A288870	357KK27
111322926	Huỳnh Thị Kim	Chi	200887	Nam Định	Trung Bình Khá	A170376	306CDK23
121322412	Lý Thị Ngọc	Ánh	220186	Quảng Nam	Khá	A170333	307CDK23
121322413	Nguyễn Thị Bích	Đào	010887	Quảng Nam	Khá	A170334	308CDK23
121322416	Nguyễn Anh	Đào	270787	Quảng Bình	Khá	A170335	309CDK23
121322425	Thái Ngọc	An	131187	Quảng Bình	Giỏi	A170336	310CDK23
121322427	Đặng Thị Kiều	An	020287	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A170337	311CDK23
121322428	Lê Thị Tâm	Anh	250488	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A170338	312CDK23
121322432	Trịnh Thị Bích	Anh	010188	Quảng Nam	Trung Bình	A170339	313CDK23

121322436	Phạm Văn	Công	280486	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170340	314CDK23
121322437	Trương Hồng	Công	241288	Quảng Nam	Khá	A170341	315CDK23
121322438	Nguyễn Quỳnh Thuý	Cao	250288	KonTum	Khá	A170342	316CDK23
121322442	Trần Thị Lệ	Chi	030287	Quảng Nam	Khá	A170343	317CDK23
121322443	Trương Thị	Chi	090788	Quảng Ngãi	Khá	A170344	318CDK23
121322449	Lê Thị Thuý	Dương	181187	Quảng Bình	Khá	A170345	319CDK23
121322451	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	200687	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170346	320CDK23
121322453	Trần Thị Mỹ	Diễm	020187	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170347	321CDK23
121322461	Nguyễn Thị	Dịu	200987	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170348	322CDK23
121322462	Lê Doãn Thuý	Dung	280987	TP Đà Nẵng	Khá	A170349	323CDK23
121322467	Nguyễn Thị	Dung	200787	Thanh Hóa	Khá	A170350	324CDK23
121322469	Nguyễn Thị Kim	Dung	170787	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170351	325CDK23
121322472	Đỗ Thị	Duyên	060188	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170352	326CDK23
121322473	Lê Thị Mỹ	Duyên	011187	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170353	327CDK23
121322474	Đỗ Thị Bích	Duyên	101188	Quảng Ngãi	Khá	A170354	328CDK23
121322475	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	120388	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170355	329CDK23
121322476	Nguyễn Thị Thu	Giang	110887	Quảng Trị	Khá	A170356	330CDK23
121322478	Trần Thị Lệ	Giang	081188	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170357	331CDK23
121322479	Võ Thị Mỹ	Giang	160488	Quảng Bình	Khá	A170358	332CDK23
121322480	Nguyễn Hương	Giang	080688	Vĩnh Phúc	Trung Bình Khá	A170359	333CDK23
121322483	Bùi Thị Thanh	Hằng	161288	Bình Định	Trung Bình Khá	A170201	334CDK23
121322490	Nguyễn Thị	Hương	131287	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170202	335CDK23
121322492	Nguyễn Thị Thu	Hương	120487	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170203	336CDK23
121322494	Nguyễn Thị Thanh	Hương	100588	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170204	337CDK23
121322495	Trương Thị Minh	Hà	230387	Quảng Nam	Khá	A170205	338CDK23
121322496	Võ Thị Thu	Hà	180887	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170206	339CDK23
121322497	Nguyễn Thị Trúc	Hà	240886	KonTum	Khá	A170207	340CDK23
121322499	Phan Thị Ngân	Hà	201288	Gia Lai	Trung Bình Khá	A170208	341CDK23
121322500	Võ Văn	Hà	090788	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170209	342CDK23
121322501	Phạm Thị Ngân	Hà	140787	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170210	343CDK23

121322505	Lê Việt	Hải	260987	TP Đà Nẵng	Khá	A170211	344CDK23
121322515	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	020387	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A170212	345CDK23
121322518	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	200987	TP Đà Nẵng	Khá	A170213	346CDK23
121322519	Hồ Sinh	Hường	120387	Đắc Lắc	Khá	A170214	347CDK23
121322521	Bùi Văn	Hùng	100887	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170215	348CDK23
121322523	Dương Khánh	Hiền	280787	TP Đà Nẵng	Khá	A170216	349CDK23
121322524	Lê Thị Thu	Hiền	130487	Quảng Bình	Khá	A170217	350CDK23
121322525	Trần Thị Ngọc	Hiền	190988	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170218	351CDK23
121322526	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	240487	Bình Định	Khá	A170219	352CDK23
121322528	Lê Thị	Hiền	271088	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170220	353CDK23
121322531	Trần Thị	Hiếu	101088	Quảng Nam	Khá	A170221	354CDK23
121322538	Nguyễn Thị Minh	Hoa	220986	Quảng Bình	Khá	A170222	355CDK23
121322539	Lê Thị	Hoa	270788	Quảng Bình	Khá	A170223	356CDK23
121322541	Trần Thị Hồng	Hoa	140988	TP Đà Nẵng	Khá	A170224	357CDK23
121322548	Phan Thị Thanh	Huyền	260587	Quảng Trị	Khá	A170225	358CDK23
121322551	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	170988	Hà Tĩnh	Khá	A170226	359CDK23
121322554	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	220887	Quảng Ngãi	Giỏi	A170227	360CDK23
121322557	Nguyễn Thị	Lê	191287	Quảng Nam	Khá	A170228	361CDK23
121322558	Tăng Thị Mai	Lan	280687	Quảng Bình	Khá	A170229	362CDK23
121322561	Trần Thị Mai	Lan	250888	Quảng Bình	Khá	A170230	363CDK23
121322563	Nguyễn Thị Mai	Lan	011188	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170231	364CDK23
121322564	Trần Thị Ngọc	Lan	210986	Đắc Lắc	Khá	A170232	365CDK23
121322572	Lê Khánh	Linh	311088	TP Đà Nẵng	Khá	A170233	366CDK23
121322577	Lê Thị Như	Lệ	210788	Quảng Nam	Khá	A170234	367CDK23
121322578	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	081188	Gia Lai	Giỏi	A170235	368CDK23
121322580	Trần Thị Bích	Loan	251087	Quảng Nam	Khá	A170236	369CDK23
121322583	Ngô Xuân	Long	190285	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170237	370CDK23
121322593	Trương Thị	Mai	151186	Quảng Bình	Giỏi	A170238	371CDK23
121322595	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	220887	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170239	372CDK23
121322597	Hoàng Kim	Minh	220488	TP Đà Nẵng	Giỏi	A170240	373CDK23

121322600	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	020688	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170241	374CDK23
121322602	Nguyễn Trần Tiên	Nữ	251088	Quảng Bình	Khá	A170242	375CDK23
121322609	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	120687	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170243	376CDK23
121322610	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	221088	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A170244	377CDK23
121322615	Nguyễn Thị Kim	Ngân	090888	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170245	378CDK23
121322616	Nguyễn Thị Bích	Ngân	220288	Phú Yên	Trung Bình Khá	A170246	379CDK23
121322618	Nguyễn Thị Hằng	Nga	051188	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170247	380CDK23
121322620	Lý Thị Hồng	Nga	020687	Bình Định	Trung Bình Khá	A170248	381CDK23
121322621	Hồ Thị Thùy	Nga	230588	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170249	382CDK23
121322622	Võ Thị Tố	Nga	280786	Quảng Bình	Khá	A170250	383CDK23
121322623	Dương Thị Quỳnh	Nga	071288	Quảng Bình	Khá	A170251	384CDK23
121322628	Nguyễn Thị Như	Ngọc	100387	Quảng Nam	Khá	A170252	385CDK23
121322629	Phan Văn	Nghĩa	010986	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A170253	386CDK23
121322631	Lê Thị Thảo	Nguyên	271087	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170254	387CDK23
121322633	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	141187	Quảng Ngãi	Khá	A170255	388CDK23
121322635	Đặng Thị	Nguyên	200287	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170256	389CDK23
121322640	Cao Thị	Nhàn	020487	Hòa Bình	Khá	A170257	390CDK23
121322645	Trần Thị Trà	Nhi	200388	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170258	391CDK23
121322649	Lê Thị Cẩm	Nhung	100487	Bình Định	Khá	A170259	403CDK23
121322650	Lương Thị Thuý	Nhung	220787	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170260	392CDK23
121322651	Trương Thị Trà	Ni	271087	Bình Định	Trung Bình Khá	A170261	393CDK23
121322655	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	060888	Bình Định	Trung Bình Khá	A170262	394CDK23
121322656	Dương Thị Kim	Oanh	030488	Quảng Bình	Khá	A170263	395CDK23
121322661	Đặng Thị Mỹ	Phẩm	150687	Quảng Nam	Khá	A170264	396CDK23
121322663	Nguyễn Phú Châu	Phi	110787	TP Đà Nẵng	Khá	A170265	397CDK23
121322664	Nguyễn Minh	Phượng	220287	Hải Dương	Khá	A170266	398CDK23
121322666	Thái Thị	Phượng	071086	Nghệ An	Khá	A170267	399CDK23
121322667	Nguyễn Thị Ánh	Phượng	171288	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170268	400CDK23
121322668	Nguyễn Đoàn Xuân	Phú	060987	Bình Định	Trung Bình Khá	A170269	401CDK23
121322671	Võ Kim	Phúc	081287	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A170270	402CDK23

121322673	Lê Thị	Phụng	120787	Quảng Ngãi	Khá	A170271	404CDK23
121322674	Hoàng Thị	Phụng	240387	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170272	405CDK23
121322679	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	060687	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170273	406CDK23
121322682	Hoàng Thị	Quỳnh	240488	Quảng Trị	Giỏi	A170274	407CDK23
121322683	Nguyễn Hương	Quỳnh	300987	Bình Định	Trung Bình Khá	A170275	408CDK23
121322685	Nguyễn Mỹ	Quyên	050988	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170276	409CDK23
121322688	Phạm Thị	Quyên	140688	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170277	410CDK23
121322691	Nguyễn Thị Hồng	Sâm	200688	Thừa thiên-Huế	Khá	A170278	411CDK23
121322694	Phan Thị Quỳnh	Sa	021088	Quảng Nam	Khá	A170279	412CDK23
121322695	Lê Thị Ly	Sa	131188	Quảng Trị	Giỏi	A170280	413CDK23
121322699	Trần Thị Kim	Tĩnh	290787	Quảng Ngãi	Khá	A170281	414CDK23
121322703	Phan Văn	Tân	040486	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170282	415CDK23
121322704	Nguyễn Thị Minh	Tân	070487	Quảng Nam	Khá	A170283	416CDK23
121322707	Đào Thị Phương	Thư	030887	Quảng Bình	Khá	A170284	417CDK23
121322712	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	270587	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170285	418CDK23
121322715	Đinh Thị Diệu	Thương	220888	Quảng Bình	Khá	A170286	419CDK23
121322717	Trần Hoài	Thương	180987	Quảng Bình	Khá	A170287	420CDK23
121322728	Nguyễn Thị Phương	Thảo	111187	Quảng Trị	Khá	A170288	421CDK23
121322730	Trần Thị Thu	Thảo	300788	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170289	422CDK23
121322732	Lê Thị Phương	Thảo	310588	TP Đà Nẵng	Khá	A170290	423CDK23
121322733	Nguyễn Thị Phương	Thảo	070687	TP Đà Nẵng	Khá	A170291	424CDK23
121322736	Nguyễn Thị	Thắm	171188	Quảng Bình	Khá	A170292	425CDK23
121322739	Lưu Thị	Thắng	281188	Quảng Nam	Khá	A170293	426CDK23
121322740	Phan Thị Thanh	Thê	150688	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A170294	427CDK23
121322743	Lê Kim Phước	Thanh	140988	Quảng Trị	Khá	A170295	428CDK23
121322745	Nguyễn Lưu	Thùy	310387	TP Đà Nẵng	Khá	A170296	429CDK23
121322750	Lê Thị	Thu	150387	Quảng Nam	Khá	A170297	430CDK23
121322751	Nguyễn Thị	Thu	021288	Quảng Nam	Khá	A170298	431CDK23
121322758	Lê Thị Thu	Thủy	121288	Quảng Nam	Khá	A170299	432KD32
121322759	Huỳnh Thị Thu	Thủy	210288	Quảng Nam	Khá	A170300	433CDK23

121322760	Hoàng Thị Bích	Thủy	090887	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A0104936	43CDK32
121322762	Bùi Thị Thanh	Thủy	040488	Gia Lai	Khá	A0104937	435CDK23
121322763	Trần Thị	Thúy	191188	Hà Nam	Trung Bình Khá	A0104938	436CDK23
121322764	Lê Thị Thanh	Thúy	180887	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A0104939	437CDK23
121322766	Phạm Thị	Thúy	110987	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A0104940	438CDK23
121322768	Cao Thị Kim	Thúy	200788	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A0104941	439CDK23
121322769	Nguyễn Thị	Thúy	240688	Hà Tĩnh	Khá	A0104942	440CDK23
121322771	Lương Thị Vân	Tiên	061087	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A0104943	441CDK23
121322774	Huỳnh Văn	Tùng	010286	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A0104944	442CDK23
121322776	Trương Tấn	Tú	020787	Quảng Nam	Khá	A0104945	443CDK23
121322778	Trần Ngọc Bích	Trâm	010987	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A0104946	444CDK23
121322782	Hoàng Thị Thanh	Trà	210586	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A0104947	445CDK23
121322783	Nguyễn Nữ Huyền	Trang	070988	Quảng Nam	Khá	A0104948	446CDK23
121322784	Phan Thị Thủy	Trang	200187	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A0104949	447CDK23
121322785	Nguyễn Thị Thủy	Trang	300787	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A0104950	448CDK23
121322786	Bùi Thị Thủy	Trang	160287	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A0104951	449CDK23
121322788	Nguyễn Thị Thủy	Trang	201086	Thừa thiên-Huế	Khá	A0104952	450CDK23
121322792	Nguyễn Thị Thành	Trang	150288	Quảng Bình	Giỏi	A0104953	451CDK23
121322795	Trần Thị Thủy	Trang	050487	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A0104954	452CDK23
121322802	Lê Thị Mai	Trang	160186	Quảng Bình	Khá	A0104955	453CDK23
121322808	Hoàng Thị Tuyết	Trinh	180888	Quảng Trị	Khá	A0104956	454CDK23
121322809	Huỳnh Thị Khánh	Trinh	281188	TP Đà Nẵng	Khá	A0104957	455CDK23
121322815	Hà	Trung	290587	Quảng Nam	Khá	A0104958	456CDK23
121322819	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	260887	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A0104959	457CDK23
121322823	Nguyễn Thị	Tuyết	010288	Quảng Nam	Khá	A0104960	458CDK23
121322826	Trần Thị Khánh	Vân	270388	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A0104961	459CDK23
121322830	Lương Thị Bích	Vân	180288	Bình Định	Khá	A0104962	460CDK23
121322834	Trần Thị Yến	Vi	110587	Quảng Nam	Khá	A0104963	461CDK23
121322836	Võ Thoại	Vi	200187	TP Đà Nẵng	Khá	A0104964	462CDK23
121322840	Huỳnh Kỳ	Vệ	220588	Bình Định	Trung Bình Khá	A0104966	463CDK23

121322844	Đặng Thị Hồng	Vy	021187	Bình Định	Khá	A0104965	464CDK23
121322848	Nguyễn Lý	Vy	100787	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A0104967	465CDK23
121322851	Phạm Thị Như	Y	250887	TP Đà Nẵng	Khá	A0104968	466CDK23
121322858	Lê Thị Hải	Yến	100687	Quảng Trị	Khá	A0104969	467CDK23
121322865	Võ Huyền	Dung	270687	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A0104970	468CDK23
121322867	Nguyễn Nguyên Yên	Hương	140285	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A0104971	469CDK23
121322869	Hồ Thị	Hồng	251187	Thừa thiên-Huế	Khá	A0104972	470CDK23
121322872	Phan Thị Mỹ	Liên	051188	Quảng Nam	Trung Bình	A0104973	471CDK23
121322886	Nguyễn Thị	Nhung	260488	Quảng Trị	Khá	A0104974	472CDK23
121322889	Trần Thị Kim	Phượng	290887	Quảng Nam	Khá	A0104975	473CDK23
121322905	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	281287	Bình Định	Khá	A0104976	474CDK23
121322907	Phan Thị Thu	Trang	160988	Bình Định	Trung Bình Khá	A0104977	475CDK23
121322913	Hồ Thị Thu	Hà	270888	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A0104978	476CDK23
121322914	Lê Thị	Loan	241088	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A0104979	477CDK23
121322915	Trương Văn	Thịnh	201084	Quảng Nam	Giỏi	A0104980	478CDK23
121322916	Hoàng Quốc	Lập	100887	Nghệ An	Khá	A0104981	479CDK23
121322918	Nguyễn Thị	Hằng	010687	Quảng Trị	Khá	A170166	480CDK23
121322921	Phạm Hồng	Thuy	071287	Quảng Nam	Giỏi	A170167	481CDK23
121322922	Nguyễn Thị Mi	Sa	030587	Bình Định	Khá	A170168	482CDK23
121322923	Bùi Thị	Thu	060686	Quảng Bình	Khá	A170169	483CDK23
121322925	Trần Ngọc	Tuấn	280987	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170170	484CDK23
121322447	Trần Thục	Chinh	090187	TP Đà Nẵng	Khá	A170369	485CDK23
121322675	Nguyễn Thị	Phụng	120488	Quảng Nam	Khá	A170368	486CDK23
121322832	Huỳnh Thị	Vân	020488	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A170367	487CDK23
121322846	Dư Thị Hoà	Vy	200488	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170366	488CDK23
K11.C66.1566	Nguyễn Khoa	Bảo	060886	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170322	489CDK23
K10.C66.1025	Nguyễn Thị Thanh	Ly	171085	TP Đà Nẵng	Khá	A170319	490CDK23
K11.C66.1574	Nguyễn Tấn	Dũng	160587	Đắc Lắc	Trung Bình	A170373	491CDK23
K11.C66.1593	Võ Thị	Hiệp	150386	Gia Lai	Trung Bình Khá	A170324	492CDK23
K11.C66.1605	Nguyễn Thị Thu	Hằng	060287	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170374	493CDK23

K11.C66.1618	Đặng Quốc	Linh	290887	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170377	494CDK23
K11.C66.1619	Lê Thị Hồng	Liên	080486	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170327	495CDK23
K11.C66.1620	Võ Thị Diệu	Liên	280985	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170328	496CDK23
K11.C66.1627	Nguyễn Thị	Lựu	030386	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170372	497CDK23
K11.C66.1657	Nguyễn Lam	Thanh	010786	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170330	498CDK23
K11.C66.1663	Trần Phương	Thảo	210886	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170370	499CDK23
K11.C66.1687	Dương Thị Thuý	Trâm	251187	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A170365	500CDK23
K10.C66.1091	Trương Thị Cẩm	Vân	130486	Quảng Bình	TB. Khá	A170321	501CDK23
K09.C66.9745	Nguyễn Đức	Thắng	200485	QUẢNG TRỊ	Trung Bình	A170320	502CDK23
1541	Nguyễn Quang	Bằng	29/12/1981	Quảng Bình	T. Bình	A288770	277XC22
1685	Nguyễn Duy	Tùng	20/06/1979	Quảng Nam	T. Bình	A288771	278XC22
1601	Nguyễn Ngọc	Khánh	19/09/1979	Quảng Trị	T. Bình	A288769	274XC22
5410	NGÔ ĐÌNH	KHIÊM	16/03/1982	Quảng Nam	T. Bình	A288840	275XC22
5424	LƯƠNG VĂN	NGỌC	16/08/1982	Quảng Nam	TB Khá	A288841	276XC22
8002	NGUYỄN DUY	TRUNG	14/11/1981	Quảng Nam	T. Bình	A288767	272XC22
8006	TRƯƠNG ANH	TUẤN	30/04/1983	Quảng Bình	TB Khá	A288768	273XC22
8008	TRẦN VĂN	TUYỀN	15/10/1982	Quảng Trị	T. Bình	A288762	267XC22
7932	ĐẶNG NGỌC	ĐỨC	18/10/1982	Quảng Nam	T. Bình	A288763	268XC22
8406	TRẦN MẠNH	HÀ	03/11/1984	Đà Nẵng	TB Khá	A288764	269XC22
8365	BÙI ĐỨC	TRỌNG	16/10/1983	Quảng Bình	TB Khá	A288765	270XC22
8393	TRẦN QUỐC	CHIẾN	07/07/1984	Quảng Bình	Khá	A288766	271XC22
0202	BÙI THẾ	DUY	20/04/1985	Thái Bình	TB Khá	A288401	235XC22
0203	THÁI ANH	GIANG	08/08/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288402	236XC22
0205	BẢO TUẤN	HƯNG	13/06/1985	Đà Nẵng	TB Khá	A288403	237XC22
0210	NGUYỄN VĂN	HÂN	15/10/1985	Thái Bình	TB Khá	A288404	238XC22
0214	MAI VĂN	HIẾU	04/09/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288833	239XC22
0216	TRẦN VIỆT	HOÀN	14/09/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288405	240XC22
0218	ĐOÀN HỒNG	HUẤN	10/04/1985	Hà Tĩnh	TB Khá	A288406	241XC22
0224	NGUYỄN QUANG	HUYNH	25/12/1986	Quảng Bình	TB Khá	A288834	242XC22
0228	TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	28/12/1984	Bình Định	TB Khá	A288407	243XC22

0233	HỒ ĐỨC	LAN	06/06/1984	Nghệ An	TB Khá	A288408	244XC22
0238	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	03/02/1986	Nghệ An	Khá	A288409	245XC22
0239	PHẠM KIM	MỸ	01/03/1986	Nghệ An	Khá	A288410	246XC22
0245	NGUYỄN THÀNH	NHƠN	15/12/1984	Đà Nẵng	TB Khá	A288411	247XC22
0254	PHẠM HƯNG	TÀI	21/09/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288412	248XC22
0257	NGUYỄN TÚ	TÂY	30/06/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288413	249XC22
0259	LÊ QUỐC	TÍN	04/01/1985	Đà Nẵng	Khá	A288414	250XC22
0272	NGUYỄN HỮU	TRÍ	11/01/1986	Quảng Ngãi	TB Khá	A288415	252XC22
0278	TRẦN ĐÌNH	TUẦN	12/12/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288649	253XC22
0279	TRẦN CÔNG	TUẦN	01/01/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288751	254XC22
0193	NGUYỄN	BÌNH	12/01/1983	TT- Huế	TB Khá	A288752	255XC22
0206	HỒ HỮU	HẢI	01/10/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288753	256XC22
0213	LÊ SỸ	HIẾU	12/05/1986	Nghệ An	TB Khá	A288754	257XC22
0225	MAI VĨNH	KHƯƠNG	09/04/1984	Đà Nẵng	TB Khá	A288755	258XC22
0235	TRỊNH NGỌC	LINH	09/02/1986	Bắc Giang	TB Khá	A288835	259XC22
0246	LÊ DUY	OANH	16/03/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288756	260XC22
0256	LƯƠNG QUANG	TÂN	16/07/1985	Quảng Ngãi	TB Khá	A288757	261XC22
8446	NGUYỄN HỮU	THỊNH	14/10/1984	Quảng Trị	TB Khá	A288758	262XC22
0268	LÊ VĂN	TRƯỜNG	18/08/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288839	263XC22
0271	LÊ MINH KHÁNH	TRÌNH	29/06/1985	Bình Định	TB Khá	A288759	264XC22
0277	PHAN THANH	TUẦN	20/01/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288760	265XC22
0281	LÊ KIM	VINH	01/01/1985	Nghệ An	T. Bình	A288761	266XC22
9867	NGUYỄN TẤN	HOÀ	07/04/1978	Quảng Nam	T. Bình	A288837	447XD18
7846	NGUYỄN TRIỆU HẢI	ĐĂNG	17/01/1983	Quảng Nam	TB Khá	A288500	446XD18
8010	LÊ QUỐC	VƯƠNG	15/08/1984	Thanh Hóa	TB Khá	A288836	448XD18
8346	Nguyễn Vũ Nam	Phương	30/07/1984	Đà Nẵng	T. Bình	A288445	440XD18
5481	Trần Đức	Chính	15/10/1982	Quảng Bình	T. Bình	A288446	441XD18
7876	Phạm Trần Quốc	Minh	10/06/1983	Đà Nẵng	T. Bình	A288447	442XD18
8288	Trương Công	Chương	25/08/1982	Quảng Trị	T. Bình	A288448	443XD18
8296	Nguyễn Hữu	Dũng	22/05/1984	Quảng Bình	T. Bình	A288449	444XD18

8317	Lê Thiết	Hoàng	15/09/1982	Nghệ An	TB Khá	A288450	445XD18
0086	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	01/07/1985	Quảng Trị	Khá	A288744	400XD18
0089	VÕ PHÚC	ANH	06/02/1985	Kon Tum	TB Khá	A288745	401XD18
0091	NGÔ HỮU	BẦY	30/10/1984	Quảng Trị	TB Khá	A288746	402XD18
0092	TỪ THANH	BÌNH	17/07/1986	Quảng Trị	TB Khá	A288747	403XD18
0094	NGUYỄN CÔNG	DANH	17/01/1985	Huế	TB Khá	A288748	404XD18
0096	TRỊNH HỮU	DINH	15/10/1985	Thanh Hoá	TB Khá	A288838	405XD18
0101	VÕ TIẾN	DŨNG	15/02/1984	Hà Tĩnh	TB Khá	A288749	406XD18
0108	NGUYỄN CÔNG	HẠNH	20/07/1986	Quảng Trị	TB Khá	A288750	407XD18
0111	PHẠM VĂN	HIẾU	03/04/1985	Quảng Trị	TB Khá	A288646	408XD18
0116	NGUYỄN THÁI	HUY	09/07/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288647	409XD18
0118	TRỊNH VĂN	KHÔI	08/10/1985	Hà Tây	TB Khá	A288648	410XD18
0122	VŨ THỊ	LƯỢNG	01/05/1986	Hà Nam	Khá	A288416	411XD18
0125	NGÔ TẤN	LÂM	20/07/1985	Đà Nẵng	TB Khá	A288417	412XD18
0127	LÊ THANH	LONG	07/10/1983	Thanh Hoá	TB Khá	A288418	413XD18
0128	THÁI DOÃN	LONG	29/06/1985	Nghệ An	TB Khá	A288419	414XD18
0129	NGUYỄN XUÂN	NƯỞNG	04/10/1985	Bình Định	TB Khá	A288420	415XD18
0134	VÕ ĐẠI	NHÂN	14/12/1986	TT-Huế	TB Khá	A288421	416XD18
0135	NGÔ THỊ TUYẾT	NHUNG	02/01/1986	Quảng Trị	Khá	A288422	417XD18
8340	ĐẶNG QUANG	NIN	27/07/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288423	418XD18
0137	NGUYỄN TRỌNG	PHONG	25/07/1984	Hà Tĩnh	Khá	A288424	419XD18
0149	ĐOÀN GIA CÁT	TƯỜNG	18/08/1985	Đà Nẵng	TB Khá	A288425	420XD18
0152	HÀ NGỌC	TẤN	12/01/1984	Quảng Nam	TB Khá	A288426	421XD18
0156	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	05/04/1986	Bắc Giang	Khá	A288427	422XD18
0158	NGUYỄN VĂN	THÀNH	20/10/1983	TT - Huế	TB Khá	A288428	423XD18
0160	ĐINH THỊ HOÀI	THANH	16/05/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288429	424XD18
0163	NGUYỄN HỒNG	THANH	03/05/1983	Quảng Trị	TB Khá	A288430	425XD18
0168	NGUYỄN CHÍ	THỊNH	02/06/1986	Quảng Bình	TB Khá	A288431	426XD18
0169	NGUYỄN XUÂN	THUY	07/11/1984	Quảng Ninh	TB Khá	A288432	427XD18
0172	PHẠM KIM	TRƯỜNG	06/07/1984	Hà Nam	Khá	A288433	428XD18

0173	ĐINH QUỐC	TRỌNG	15/04/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288434	429XD18
0176	VÕ DUY	TRUNG	08/07/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288435	430XD18
0178	LÊ NGỌC	TUẤN	21/07/1986	TT- Huế	TB Khá	A288436	431XD18
0179	PHAN QUỐC	TUẤN	13/04/1984	Nghệ An	Khá	A288437	432XD18
0182	NGUYỄN VĂN	TÚ	22/06/1983	Đà Nẵng	Khá	A288438	433XD18
0183	BÙI XUÂN	TÙNG	01/11/1985	Nam Định	Khá	A288439	434XD18
1104	ĐINH THỊ THỦY	VÂN	25/06/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288440	435XD18
0088	TRẦN TUẤN	ANH	01/09/1984	Quảng Trị	TB Khá	A288441	436XD18
0095	CHÂU NGỌC	DIỄN	19/04/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288442	437XD18
0138	THÁI ĐỨC	PHONG	29/08/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288443	438XD18
0155	NGUYỄN TRUNG	TỈNH	02/02/1985	Bình Định	TB Khá	A288444	439XD18
121212269	NGUYỄN TUẤN	ANH	07/07/1987	Dak Lak	Khá	A170309	505CDX
121212272	VŨ HUY	CÔNG	07/04/1986	Quảng Nam	Khá	A170192	506CDX
121212273	NGUYỄN MINH	CÔNG	25/01/1986	Đà Nẵng	Khá	A170193	507CDX
121212281	NGUYỄN VŨ	DÔNG	08/04/1987	Quảng Bình	TB Khá	A170194	508CDX
121212301	TRẦN VIỆT	HÔNG	10/09/1987	Quảng Bình	TB Khá	A170195	509CDX
121212312	TRẦN KHANH	LINH	25/08/1988	Quảng Bình	TB Khá	A170196	510CDX
121212315	CAO VŨ	MINH	15/01/1987	Nghệ An	TB Khá	A170197	511CDX
121212318	LÊ TÀI QUỐC	MINH	10/02/1987	Quảng Nam	TB Khá	A170198	512CDX
121212322	NGUYỄN HOÀNG	NAM	14/08/1987	Quảng Ngãi	Khá	A170199	513CDX
121212336	NGUYỄN HỮU	PHONG	30/06/1987	Đà Nẵng	Giỏi	A170200	514CDX
121212410	BÙI THANH	SƠN	27/12/1987	Quảng Nam	TB Khá	A170363	515CDX
121212349	NGUYỄN MINH	TÀI	15/05/1987	Nghệ An	TB Khá	A170364	516CDX
121212359	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	28/04/1987	Quảng Trị	TB Khá	A170310	517CDX
121212361	NGUYỄN VŨ	THÀNH	20/10/1983	Quảng Nam	Giỏi	A170311	518CDX
121212402	CAO NGỌC	TÔNG	11/02/1986	Quảng Bình	Khá	A170312	519CDX
121212380	MAI CHÂU	TRUNG	06/09/1987	Quảng Trị	Khá	A170313	520CDX
121212382	VI TRẦN BẢO	TRUNG	27/05/1987	Bình Định	Khá	A170314	521CDX
121212386	TRẦN ANH	TUẤN	11/01/1984	Đà Nẵng	Khá	A170315	522CDX
121212389	THAI ANH	TUẤN	01/08/1987	Quảng Trị	Khá	A170316	523CDX

121212394	NGUYỄN TÂN	V	10/10/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	A170317	524CDX
K11.C65.1561	NGUYỄN DOÃN	ĐĂNG	15/10/1986	Nghệ An	TB Khá	A170306	525CDX
K10.C65.9598	TRẦN ĐỨC	TÀI	24/12/1983	Quảng Trị	T. Bình	A170307	526CDX
K11.C65.1514	NGUYỄN VĂN	KHIÊM	07/09/1985	Quảng Trị	TB Khá	A170308	527CDX
10.C65.0927	PHAN TRUNG	CHUNG	08/09/1983	Quảng Bình	TB Khá	A170303	529CDX
10.C65.0953	LÊ ĐẠI	QUANG	21/10/1986	Quảng Nam	TB Khá	A170304	530CDX
10.C65.5461	LÊ PHƯỚC	TÙNG	08/02/1983	Đà Nẵng	T. Bình	A170305	531CDX
9578	Mai Đào Nguyên	Nhân	18/09/1983	Bình Định	TB Khá	A170302	528CDX
K11.103.0098	Trần Văn	Anh	25/03/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288730	33VT01
K11.103.0099	Nguyễn Ngọc	Bảo	03/03/1986	Đắc Lắc	TB Khá	A288731	33VT02
K11.103.0105	Võ Thanh	Diện	18/04/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288732	33VT03
K11.103.0106	Hồ Phương	Dung	25/06/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288733	33VT04
K11.103.0109	Nguyễn Văn	Duẩn	03/02/1986	Quảng Bình	Khá	A288832	33VT06
K11.103.0111	Nguyễn Xuân	Dũng	30/10/1987	Quảng Bình	Khá	A288452	33VT05
K11.103.0112	Nguyễn Văn	Dâng	10/02/1986	Quảng Bình	Khá	A288453	33VT07
K11.103.0113	Phan Xuân	Dương	03/09/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288454	33VT08
K11.103.0114	Nguyễn Thị Kim	Giàu	09/11/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288455	33VT09
K11.103.0119	Nguyễn Thị	Hiền	01/01/1987	Quảng Nam	TB Khá	A288456	33VT10
K11.103.0120	Lê Trung	Hiếu	30/04/1985	Sông Bé	TB Khá	A288458	33VT11
K11.103.0121	Trần Thị	Hiếu	15/08/1987	Quảng Bình	TB Khá	A288457	33VT12
K11.103.0123	Phạm Hoàng	Hoài	26/01/1985	Quảng Nam	TB Khá	A288459	33VT13
K11.103.0124	Lê Minh	Hoàng	18/09/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288460	33VT14
K11.103.0129	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	27/12/1986	Đắk Nông	Khá	A288461	33VT15
K11.103.0130	Dương Minh	Huân	01/09/1986	Lai Châu	Khá	A288462	33VT16
K11.103.0134	Lê Ngọc	Khánh	09/01/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A288463	33VT17
K11.103.0137	Nguyễn Duy	Linh	12/12/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288842	33VT46
K11.103.0138	Phạm Khánh	Linh	26/09/1986	Thanh Hóa	Khá	A288464	33VT18
K11.103.0140	Đinh Thị Thuý	Luy	03/02/1986	T. Quảng Bình	Khá	A288214	33VT19
K11.103.0141	Lê Thị	Mai	27/07/1986	Thanh Hoá	TB Khá	A288215	33VT20
K11.103.0144	Vũ Ngọc	Ngà	23/04/1987	Ninh Bình	Khá	A288216	33VT21

K11.103.0145	Lê Anh	Ngọc	19/05/1986	Quảng Bình	Khá	A288217	33VT22
K11.103.0146	Nguyễn Tiến	Ngọc	09/02/1984	Quảng Bình	Khá	A288218	33VT23
K11.103.0147	Trần Thị Bích	Ngọc	17/07/1986	Hòa Bình	Khá	A288219	33VT24
K11.103.0148	Trương Thái	Nguyên	08/01/1987	Quảng Bình	TB Khá	A288220	33VT25
K11.103.0149	Nguyễn Thị	Ngân	15/10/1987	Quảng Trị	Khá	A288221	33VT26
K11.103.0150	Thái Thị Hồng	Nhung	02/09/1986	Quảng Trị	Khá	A288222	33VT27
K11.103.0152	Hoàng	Nhật	07/07/1987	Quảng Trị	TB Khá	A288223	33VT28
K11.103.0153	Võ Phạm	Như	30/11/1984	Quảng Bình	TB Khá	A288224	33VT29
K11.103.0154	Nguyễn	Quang	20/02/1987	TT HUẾ	Khá	A288225	33VT30
K11.103.0156	Đặng Ngọc	Sỹ	09/06/1986	Quảng Bình	Khá	A288226	33VT31
K11.103.0157	Trần Thị Thanh	Sương	09/06/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288227	33VT32
K11.103.0159	Nguyễn Tiến	Thanh	14/11/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288228	33VT33
K11.103.0160	Tăng Anh	Thi	30/04/1986	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288229	33VT34
K11.103.0161	Nguyễn Văn	Thiện	20/12/1986	Bình Định	Khá	A288230	33VT35
K11.103.0164	Trần Văn	Thuận	18/03/1985	Quảng Bình	Khá	A288231	33VT36
K11.103.0166	Trần Thị Hoài	Thương	11/06/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288232	33VT37
K11.103.0171	Trương Duy	Tuấn	01/01/1987	Quảng Nam	Khá	A288233	33VT38
K11.103.0172	Trần Công Thanh	Tú	08/04/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288234	33VT39
K11.103.0174	Nguyễn Thị Tường	Vi	10/12/1987	Bình Định	Khá	A288235	33VT40
K11.103.0175	Nguyễn Văn	Vui	23/02/1987	Quảng Bình	Khá	A288236	33VT41
K11.103.0177	Lê Nguyễn Hà	Vy	03/10/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288237	33VT42
K11.103.0180	Trần Lê Thăng	Đồng	21/05/1987	Quảng Nam	Giỏi	A288238	33VT43
K11.103.0181	Nguyễn Văn	Độ	07/11/1986	Quảng Ngãi	TB Khá	A288239	33VT44
K11.103.0183	Nguyễn Minh	Đức	02/11/1986	Quảng Bình	Khá	A288240	33VT45
K11.102.0049	Khúc Ngọc	Vinh	22/01/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288798	01PM25
K11.102.0053	Nguyễn Ngọc	Anh	16/02/1984	T. Quảng Nam	TB Khá	A288799	02PM25
K11.102.0055	Trương Đình	Bách	19/08/1986	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288800	03PM25
K11.102.0059	Tôn Nữ Ngọc	Duyên	15/09/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288465	04PM25
K11.102.0065	Võ Vũ	Hoàng	08/12/1985	T. Quảng Bình	TB Khá	A288466	05PM25
K11.102.0067	Trần Anh	Huy	23/04/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288467	06PM25

K11.102.0074	Trần Văn	Kỳ	02/11/1987	T. Quảng Bình	TB Khá	A288468	07PM25
K11.102.0078	Nguyễn Văn	Mạnh	01/09/1987	T. Bình Định	TB Khá	A288469	08PM25
K11.102.0079	Đỗ Thế	Minh	05/02/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288470	09PM25
K11.102.0083	Lê Thanh	Song	07/06/1986	T. Quảng Bình	Khá	A288471	10PM25
K11.102.0084	Nguyễn Lương	Son	15/11/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288472	11PM25
K11.102.1801	Nguyễn Thế	Phúc	10/03/1985	Quảng Bình	Khá	A288473	12PM25
K11.102.9828	Lê Ngọc	Công	04/04/1986	Quảng Nam	Khá	A288844	18PM25
1810	Lê Long	Vũ	02/05/1985	ĐÀ NẴNG	Khâ	A288474	13PM25
0072	Phạm Vĩnh	Thế	20/10/1983	BÌNH ĐỊNH	TB Khâ	A288475	14PM25
6598	Phạm Lê	Vũ	01/09/1982	QUẢNG NAM	Trung Bnh	A288479	15PM25
0985	Lê Quang	Hung	25/10/1981	QUẢNG TRỊ	TB. Khá	A288476	16PM25
K04.101.0429	Nguyễn Thành	Long	22/02/1978	ĐÀ NẴNG	TB	A288478	17PM25
K11.101.0005	Nguyễn Huy	Cường	06/12/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288734	01KTM26
K11.101.0006	Đinh Ngọc Thiên	Duy	30/08/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288735	02KTM26
K11.101.0007	Hoàng Đức	Dũng	13/02/1985	Quảng Bình	TB Khá	A288843	025KTM26
K11.101.0013	Võ Tấn	Hậu	01/01/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288736	03KTM26
K11.101.0014	Trần Văn	Khá	20/08/1985	T. Quảng Ngãi	Khá	A288737	04KTM26
K11.101.0020	Bùi Thanh	Nam	20/01/1985	T. Quảng Bình	TB Khá	A288738	05KTM26
K11.101.0024	Đoàn Phú	Ngọc	28/11/1986	T. Quảng Bình	Giỏi	A288739	06KTM26
K11.101.0029	Nguyễn Quốc	Phong	19/05/1985	T. Quảng Nam	Khá	A288740	07KTM26
K11.101.0030	Võ Quang	Phú	09/01/1987	T. Quảng Bình	TB Khá	A288741	08KTM26
K11.101.0032	Phan Xuân	Sỹ	03/06/1985	T. Quảng Bình	TB Khá	A288742	09KTM26
K11.101.0034	Phan Nam	Sương	06/05/1984	T. Quảng Nam	TB Khá	A288743	10KTM26
K11.101.0037	Phạm Trung	Thành	15/10/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A288480	11KTM26
K11.101.0042	Trần Đức	Thắng	01/04/1983	T. Quảng Ngãi	TB Khá	A288481	12KTM26
K11.101.0044	Trương Ngọc	Trung	28/10/1987	T. Quảng Trị	Khá	A288482	13KTM26
K11.101.0047	Trương Quang	Tuấn	06/09/1986	T. Quảng Ngãi	TB Khá	A288483	14KTM26
K11.101.0048	Nguyễn Hoàng Thiên	Tú	20/06/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288484	15KTM26
K11.101.0051	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/02/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288485	16KTM26
K11.101.0092	Lê Thị Ánh	Tuyết	10/05/1986	Quảng Trị	Khá	A288486	17KTM26

K11.101.0343	Trần Đức	Tâm	22/10/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288487	18KTM26
K11.101.1793	Trương Quốc	Việt	15/08/1985	TP Đà Nẵng	Trung bình	A288488	19KTM26
K11.101.0016	Đỗ Đăng	Khôi	24/02/1986	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288489	20KTM26
K11.101.0019	Châu Quốc	Mìn	14/11/1988	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288490	21KTM26
K11.101.0043	Phùng Văn	Thường	15/02/1985	T. Quảng Bình	Trung bình	A288829	22KTM26
K11.101.0045	Trương Hoàng	Trung	04/05/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288492	23KTM26
K11.101.0052	Lưu Hồng	Đăng	20/05/1985	T. Nghệ An	Khá	A288493	24KTM26
0018	Võ Văn	Phong	27/09/1981	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A288494	26KTM26
6480	Nguyễn Đắc Duy	Nhân	01/07/1983	ĐAK LAK	TB. Khâ	A288495	27KTM26
8235	Phạm Xuân	Thắng	21/10/1985	ĐÀ NẴNG	TB. Khâ	A288496	28KTM26
7695	Trần Hạnh	Quyên	18/09/1984	QUẢNG NAM	TB. Khâ	A288497	29KTM26
7640	Huỳnh Đức	Hoàng	14/02/1983	ĐÀ NẴNG	TB. Khâ	A288498	30KTM26
8247	Phạm Nguyên	Tịnh	15/07/1984	QUẢNG NAM	TB. Khâ	A288499	31KTM26
121132983	Huỳnh Bá Thành	Hiếu	30/07/1988	Đà Nẵng	TB Khâ	A170179	289CDT
121132986	Lương Lê Đình	Huy	27/11/1987	Quảng Nam	Khá	A170172	290CDT
121132990	Nguyễn Thị Hồng	Dũng	19/01/1987	Nghệ An	Khá	A170171	291CDT
121132991	Lê Thị Ngọc	Lệ	04/10/1986	Thanh Hóa	TB Khá	A170173	292CDT
121133003	Lê Công	Son	03/01/1988	Quảng Trị	Giỏi	A170174	293CDT
121133008	Hoàng Đình	Hải	25/01/1986	Thanh Hóa	TB Khá	A170175	294CDT
121133014	Trần Thị	Thêm	20/03/1985	Huế	Khá	A170176	295CDT
121133019	Trần Anh	Tiến	28/01/1988	Quảng Bình	Khá	A170177	296CDT
121133026	Trần Viết Hữu	Hoà	07/11/1988	Huế	Khá	A170178	297CDT
121133033	Lê Thị	Hoàn	26/12/1988	Bắc Giang	Khá	A170180	298CDT
121133036	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	25/03/1988	Dak Lak	Khá	A170181	299CDT
121133038	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	18/01/1988	Dak Lak	Khá	A170182	300CDT
121133056	Nguyễn Thị Ái	Linh	17/07/1987	Bình Định	Khá	A170183	301CDT
121133091	Võ Thị	Phương	10/01/1988	Quảng Nam	TB Khá	A170184	302CDT
121133108	Phạm Ngọc	Quyên	12/06/1987	Quảng Nam	Khá	A170185	303CDT
121133116	Hoàng Lê Tịnh	Tâm	09/02/1988	Đà Nẵng	Khá	A170186	304CDT
121133124	Nguyễn Như Bá	Thành	27/02/1987	Đà Nẵng	TB Khá	A170187	305CDT

121133142	Phạm Thị	Thuận	20/09/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	A170188	306CDT
121133148	Phạm Thanh	Tiến	21/08/1987	Nghệ An	TB Khá	A170189	307CDT
121133168	Lê Nguyễn Cẩm	Vân	26/01/1988	Quảng Nam	Khá	A170190	308CDT
121133190	Lê Cao Hoài	Yên	03/02/1987	Quảng Nam	Khá	A170191	309CDT
121133013	Nguyễn Thị Xuân	Hạnh	12/09/1987	Quảng Nam	TB Khá	A170360	310CDT
121133030	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	28/08/1988	Quảng Bình	TB Khá	A170361	311CDT
111133052	Nguyễn Ngọc	Phụng	12/12/1984	Quảng Trị	TB Khá	A170362	312CDT
1768	Trần Thanh	Tuấn	10/09/1985	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A170318	313CDT
K11.401.0821	Lưu Thị Lan	Anh	05/11/1986	QUẢNG BÌNH	TB khá	A289435	466DL13
K11.401.0823	Nguyễn Thị Ái	Diễm	24/11/1987	BÌNH ĐỊNH	Giỏi	A289418	467DL13
K11.401.0824	Đỗ Thị Thuý	Duyên	03/02/1987	QUẢNG NAM	Giỏi	A289419	468DL13
K11.401.0825	Nguyễn Văn	Dũng	02/04/1986	QUẢNG NGÃI	Khá	A289420	469DL13
K11.401.0827	Nguyễn Vinh	Hiền	13/04/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289422	470DL13
K11.401.0830	Nguyễn Thị	Huyền	27/08/1985	QUẢNG NAM	Khá	A289421	471DL13
K11.401.0831	Đỗ Thị Bích	Huyền	13/04/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289423	472DL13
K11.401.0832	Đinh Khánh	Hương	24/03/1986	DAKLAK	Khá	A289424	473DL13
K11.401.0835	Đặng Thị Như	Mai	01/01/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289425	474DL13
K11.401.0836	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	31/12/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289426	475DL13
K11.401.0838	Nguyễn Hữu	Ngọc	01/09/1985	HÀ TĨNH	Khá	A289427	476DL13
K11.401.0840	Lê Vũ Cẩm	Nhung	28/01/1986	ĐÀ NẴNG	Khá	A289428	477DL13
K11.401.0844	Huỳnh Văn	Phát	26/12/1987	QUẢNG NAM	TB khá	A289429	478DL13
K11.401.0845	Huỳnh Thị	Quyên	09/05/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289430	479DL13
K11.401.0846	Nguyễn Đức	Thành	22/02/1983	HUẾ	Khá	A289431	480DL13
K11.401.0847	Ngô Thị Thanh	Thu	12/04/1987	BÌNH ĐỊNH	Khá	A289432	481DL13
K11.401.0848	Võ Thị Bích	Thủy	01/01/1986	QUẢNG BÌNH	Khá	A289433	482DL13
K11.401.0850	Phạm Thị Thu	Thủy	06/12/1985	QUẢNG NGÃI	Khá	A289434	483DL13
K11.401.0851	Võ Thị Thuy	Thơ	05/02/1987	DAKLAK	Khá	A288725	484DL13
K11.401.0852	Trần Vũ Thủy	Tiên	22/03/1985	QUẢNG NAM	Khá	A288726	485DL13
K11.401.0856	Trần Thị Minh	Xuân	22/05/1987	QUẢNG NAM	Khá	A288727	486DL13
K11.401.0857	Bùi Thị Hoàng	Yến	01/06/1985	ĐÀ NẴNG	Khá	A288728	487DL13

K11.401.1269	Lê Minh	Hải	25/07/1985	QUẢNG TRỊ	Khá	A288729	488DL13
7316	Nguyễn Thị Trà	My	29/12/1984	Bắc Giang	TB-Khả	A288896	489DL13
7336	Phan Xuân Hồng	Phúc	18/07/1982	Quảng Nam	TB-Khả	A288897	490DL13
K11.701.1443	Lê Thùy	Cầm	13/05/1987	HÀ TĨNH	Khá	A289453	871AV11
K11.701.1444	Trần Thị Vũ	Diệu	18/10/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289454	872AV11
K11.701.1445	Thái Thị Thanh	Diệu	26/10/1987	BÌNH ĐỊNH	Khá	A289455	873AV11
K11.701.1446	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/05/1985	NGHỆ AN	Khá	A289456	874AV11
K11.701.1447	Lê Minh	Hải	01/05/1987	PHÚ THỌ	Khá	A289457	875AV11
K11.701.1451	Đỗ Nguyễn Minh	Hạnh	12/08/1987	ĐÀ NẴNG	Giỏi	A289458	876AV11
K11.701.1452	Đào Thị Mỹ	Hạnh	28/04/1986	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A289459	877AV11
K11.701.1453	Đinh Xuân	Hiếu	06/09/1984	QUẢNG BÌNH	Khá	A289460	878AV11
K11.701.1454	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/05/1986	QUẢNG TRỊ	Khá	A289461	879AV11
K11.701.1455	Nguyễn Thị	Hồng	18/12/1983	ĐÀ NẴNG	Giỏi	A289462	880AV11
K11.701.1456	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	25/10/1985	QUẢNG TRỊ	Khá	A289463	881AV11
K11.701.1457	Ngô Thị Thy	Hương	15/03/1985	QUẢNG TRỊ	Giỏi	A289464	882AV11
K11.701.1458	Bùi Nguyễn Khánh	Linh	19/11/1986	ĐAKLAK	TB Khá	A289465	883AV11
K11.701.1459	Lê Thị Bích	Luyến	26/09/1985	QUẢNG BÌNH	Khá	A289466	884AV11
K11.701.1460	Hoàng Thị Ngọc	Ly	14/06/1987	THUẬN HẢI	Khá	A289467	885AV11
K11.701.1461	Trần Thị Thanh	Mai	14/11/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289468	887AV11
K11.701.1463	Đào Văn	Minh	30/09/1985	NGHỆ AN	TB Khá	A289469	888AV11
K11.701.1464	Nguyễn Thị Trà	My	06/12/1986	ĐÀ NẴNG	Khá	A289470	889AV11
K11.701.1465	Nguyễn Thị Minh	Mẫn	14/08/1987	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A289471	890AV11
K11.701.1468	Lê Thị Vi	Na	02/10/1987	QUẢNG NAM	TB Khá	A289472	891AV11
K11.701.1469	Trần Thị Trang	Nhã	09/11/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289473	892AV11
K11.701.1471	Đoàn Thị Lan	Phượng	12/07/1987	QUẢNG BÌNH	Khá	A289474	893AV11
K11.701.1473	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/12/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289475	894AV11
K11.701.1478	Nguyễn Trần Anh	Thư	03/09/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289482	895AV11
K11.701.1479	Trần Anh	Thư	27/12/1987	QUẢNG NAM	Khá	A289481	896AV11
K11.701.1480	Trần Thị Hồng	Thương	10/02/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289480	897AV11
K11.701.1482	Nguyễn Huyền	Trân	08/04/1987	BÌNH ĐỊNH	Khá	A289479	898AV11

K11.701.1485	Nguyễn Thị Hải	Vy	12/02/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289478	899AV11
K11.701.1487	Hoàng Thị Thanh	Xuân	20/12/1985	QUẢNG BÌNH	Khá	A289477	901AV11
K11.701.1488	Nguyễn Thị Sơn	Xuân	10/12/1986	GIA LAI	TB Khá	A288899	902AV11
9386	Nguyễn Thị	Hiền	25/11/1983	Đak Lak	T. Bình	A288900	904AV11
5245	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	19/05/1981	Quảng Trị	TB-Khá	A288898	903AV11
K11.400.0687	Nguyễn Ngọc	An	28/10/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A289436	01QTM31
K11.400.0707	Trần Thanh	Hải	16/02/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289437	02QTM31
K11.400.0772	Võ Văn	Thành	04/04/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A289438	03QTM31
K11.400.0792	Nguyễn Vũ	Tín	13/12/1984	T. Gia Lai	Khá	A289439	04QTM31
K11.400.0800	Bùi Đức	Tuấn	14/03/1987	TP Đà Nẵng	Giỏi	A289440	05QTM31
K11.402.0858	Trần Tuấn	Anh	23/04/1987	TP Đà Nẵng	Giỏi	A289441	06QTM31
K11.402.0860	Trần Thị Mỹ	Diệu	19/08/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A289442	07QTM31
K11.402.0861	Phạm Ninh	Giang	29/08/1986	Thuận Hải	Khá	A289443	08QTM31
K11.402.0862	Huỳnh Thị Nguyên	Hoài	09/05/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289444	09QTM31
K11.402.0863	Lê Anh	Hoàng	20/09/1985	T. Quảng Trị	TB Khá	A289445	10QTM31
K11.402.0864	Phạm Thị Như	Mai	04/02/1985	Quảng Nam	TB Khá	A289446	11QTM31
K11.402.0865	Trương Hải	Nam	10/12/1983	T. Quảng Bình	TB Khá	A289447	12QTM31
K11.402.0867	Hồ Thị Anh	Ngọc	15/02/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289448	13QTM31
K11.402.0868	Nguyễn Thanh	Phong	03/06/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	A289449	14QTM31
K11.402.0869	Trần Ngọc	Phước	10/01/1987	Thừa Thiên Huế	Khá	A289450	15QTM31
K11.402.0871	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	25/10/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288722	16QTM31
K11.402.0875	Huỳnh Thanh	Văn	22/12/1984	T. Quảng Nam	TB Khá	A288723	17QTM31
K09.400.7268	PHẠM VĂN	CƯỜNG	17/05/1983		TB Khá	A288724	18QTM31
K11.423.0756	Lê Thị Mỹ	Phương	03/10/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160304	01TC28
K11.423.0886	Nguyễn Thị Như	Duy	10/04/1987	T. Quảng Nam	Giỏi	A0160305	02TC28
K11.423.0887	Hồ Thị Hương	Giang	24/09/1987	T. Nghệ An	Khá	A0160306	03TC28
K11.423.0888	Trần Hồ Hương	Giang	30/10/1987	Đak Lak	Giỏi	A0160307	04TC28
K11.423.0889	Bùi Ngọc	Hà	24/01/1988	Hoà Bình	Khá	A0160308	05TC28
K11.423.0890	Nguyễn Thị Hồng	Hà	18/03/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160309	06TC28
K11.423.0897	Nguyễn Thị Sa	Linh	28/02/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160310	07TC28

K11.423.0898	Đỗ Hoàng Minh	Ly	27/11/1987	T. Quảng Nam	Giỏi	A0160311	08TC28
K11.423.0899	Đinh Thị Mỹ	Lệ	17/05/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160312	09TC28
K11.423.0916	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/10/1987	T. Quảng Trị	Khá	A0160313	10TC28
K11.423.0918	Đặng Thị Hồng	Thảo	01/05/1986	T. Quảng Bình	Giỏi	A0160314	11TC28
K11.423.0924	Trần Thị Thuỳ	Trang	02/09/1985	T. Quảng Trị	Giỏi	A0160315	12TC28
K11.423.0925	Nguyễn Thanh	Trà	15/04/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A0160316	13TC28
K11.423.0929	Trần Thị Thanh	Tâm	02/01/1986	T. Quảng Bình	Khá	A0160317	14TC28
K11.423.0932	Nguyễn Thị Lê	Vy	12/11/1987	TT HUẾ	Khá	A0160318	15TC28
K11.423.0951	Lê Việt	Hà	11/08/1987	T. Quảng Bình	Giỏi	A0160319	16TC28
K11.423.1006	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	18/06/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160320	17TC28
K11.423.1248	Bùi Thị Thanh	Cúc	10/10/1987	Bình Định	Giỏi	A0160321	18TC28
K11.423.1280	Hoàng Thị	Hiếu	04/09/1987	Tỉnh Quảng Bình	Giỏi	A0160322	19TC28
K11.423.1392	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/08/1987	Tỉnh Quảng Trị	Giỏi	A0160323	20TC28
K11.423.0881	Phan Tiến	Bình	17/11/1985	TT HUẾ	TB Khá	A0160324	21TC28
K11.423.0882	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	21/10/1986	T. Gia Lai	Khá	A0160325	22TC28
K11.423.0883	Nguyễn Thị	Chanh	29/04/1986	T. Quảng Trị	Khá	A0160326	23TC28
K11.423.0885	Cao Thị Bích	Diễm	17/02/1987	T. Quảng Ngãi	Khá	A0160327	24TC28
K11.423.0891	Võ Thanh	Hải	03/07/1986	T. Đắk Lắk	TB Khá	A0160328	25TC28
K11.423.0893	Đinh Quang	Hiếu	18/10/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A0160329	26TC28
K11.423.0895	Trần Thị	Hường	20/12/1985	T. Quảng Bình	TB Khá	A0160330	27TC28
K11.423.0896	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	28/04/1986	T. Gia Lai	Khá	A0160331	28TC28
K11.423.0900	Nguyễn Thị Quỳnh	Lưu	01/02/1987	T. Gia Lai	Khá	A0160332	29TC28
K11.423.0901	Nguyễn Thị Diễm	My	21/04/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A0160333	30TC28
K11.423.0902	Trần Thị Thanh	Nga	23/02/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A0160303	31TC28
K11.423.0903	Phan Như	Nguyên	06/10/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160302	32TC28
K11.423.0904	Trương Phạm Thảo	Nguyên	21/10/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A0160301	33TC28
K11.423.0906	Nguyễn Thị Thuỳ	Nhung	03/02/1986	T. Quảng Bình	Khá	A288244	34TC28
K11.423.0907	Phạm Thị Hoài	Phương	20/02/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288243	35TC28
K11.423.0908	Trần Thị Thanh	Phương	14/09/1987	Quảng Bình	Khá	A288242	36TC28
K11.423.0909	Lâm Thuý	Quyên	10/10/1987	T. Bình Định	Khá	A288241	37TC28

K11.423.0910	Trần Thị Thu	Sang	03/02/1986	T. Bình Định	TB Khá	A289476	38TC28
K11.423.0911	Trần Văn	Sinh	18/10/1987	T. Bình Định	TB Khá	A288662	39TC28
K11.423.0912	Hồ Nguyễn Phước	Thành	10/07/1985	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288661	40TC28
K11.423.0913	Văn Đình	Thành	28/03/1987	T. Nghệ An	TB Khá	A288660	41TC28
K11.423.0914	Bùi Thị Phương	Thảo	16/01/1985	T. Nghệ An	Khá	A288659	42TC28
K11.423.0915	Hồ Văn	Thảo	13/06/1984	T. Quảng Bình	TB Khá	A288658	43TC28
K11.423.0920	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	17/07/1986	T. Hà Tĩnh	Khá	A288657	44TC28
K11.423.0921	Cao Duy	Thông	26/08/1987	T. Quảng Bình	TB Khá	A288656	45TC28
K11.423.0923	Võ Thị Thu	Trang	17/10/1986	T. Quảng Ngãi	TB Khá	A288655	46TC28
K11.423.0927	Trịnh Thành	Tuân	27/07/1986	T. Quảng Bình	TB Khá	A288654	47TC28
K11.423.0931	Nguyễn Bình	Vũ	27/07/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288653	48TC28
K11.423.0933	Hà	Xuyên	15/10/1985	T. Gia Lai	Khá	A288652	49TC28
K11.423.0934	Trần Anh	Đào	28/12/1984	T. Quảng Bình	TB Khá	A288651	50TC28
K11.423.1323	Nguyễn Thị Diễm	My	19/11/1986	Thừa Thiên Huế	Khá	A288650	51TC28
0372	Hoảng Vũ	Long	26/11/1984	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A288847	52TC28
7058	Nguyễn Trần Phương	Nga	18/04/1983	QUẢNG NAM	TB Khá	A288828	55TC28
3220	HOÀNG CHÍ	KIÊN	29/08/1979	QUẢNG BÌNH	Trung bình	A288845	54TC28
5823	TRẦN CAO	CƯỜNG	06/01/1981	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A288884	620QT14
7236	HỒ HẢI	THẮNG	07/01/1984	TT HUẾ	Trung bình	A288885	621QT14
8559	BÙI THỊ THUÝ	NGÀ	20/06/1985	THÁI NGUYÊN	TB Khá	A288883	619QT14
0291	Nguyễn Đức	Dũng	23/01/1986	BẮC GIANG	TB Khá	A288872	608QT14
0312	Nguyễn Hoàng	Lương	21/03/1985	NGHỆ AN	TB Khá	A288873	609QT14
0319	Nguyễn Thế	Năng	16/10/1985	ĐAK LAK	TB Khá	A288830	610QT14
0337	Phùng Đình	Thắng	27/02/1985	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A288875	611QT14
0349	QUÁCH TRUNG	VIỆT	04/12/1986	ĐÀ NẴNG	Khá	A288876	612QT14
8469	Trần Việt	An	16/08/1984	TUYÊN QUANG	Trung bình	A288877	613QT14
8530	Tạ Duy	Hưng	25/11/1984	NINH BÌNH	TB Khá	A288878	614QT14
8542	Lê Đức	Lộc	28/08/1985	HẢI DƯƠNG	TB Khá	A288879	615QT14
0290	Nguyễn Đức	Diệp	01/01/1985	QUẢNG NAM	TB Khá	A288880	616QT14
8678	TRƯƠNG TẤN	HUY	21/03/1989	SÔNG BÉ	TB Khá	A288773	617QT14

8621	LÊ TỪ	TRƯỜNG	03/06/1985	TT HUẾ	Trung bình	A288882	618QT14
K11.400.0692	Tổng Thị	Chuyên	16/08/1985	T. Thanh Hoá	Giỏi	A288797	532QT14
K11.400.0693	Nguyễn Thị Minh	Châu	18/12/1987	T. Quảng Bình	Giỏi	A288300	533QT14
K11.400.0698	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	30/08/1986	T. Quảng Nam	Giỏi	A288299	534QT14
K11.400.0703	Lê Đình	Dần	25/10/1986	T. Nghệ An	Khá	A288298	535QT14
K11.400.0709	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	11/04/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288296	536QT14
K11.400.0715	Nguyễn Đặng	Hiển	26/01/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288295	537QT14
K11.400.0717	Lê Thị	Huệ	05/05/1987	T. Bình Định	Khá	A288294	538QT14
K11.400.0727	Hà Thị Việt	Hương	22/04/1987	TP Đà Nẵng	Giỏi	A288293	539QT14
K11.400.0728	Lê Mỹ	Hương	26/12/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288292	540QT14
K11.400.0742	Lê Thị Hồng	Nga	13/03/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288291	541QT14
K11.400.0745	Trần Thị Bích	Ngà	06/12/1987	T. Quảng Ngãi	Khá	A288290	542QT14
K11.400.0747	Phạm Phú Hiếu	Nghĩa	06/12/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288289	543QT14
K11.400.0748	Trịnh Thị Minh	Nghĩa	20/03/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288288	544QT14
K11.400.0757	Ông Ích	Phương	04/05/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288287	545QT14
K11.400.0759	Lâm Ngọc	Phượng	23/08/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288285	546QT14
K11.400.0760	Nguyễn	Quang	20/11/1986	T. Quảng Ngãi	Giỏi	A288284	547QT14
K11.400.0761	Phạm Hồng	Quang	05/12/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288283	548QT14
K11.400.0762	Trần Kim Mỹ	Quyên	29/03/1984	T. Quảng Nam	Khá	A288282	549QT14
K11.400.0766	Dương Công	Sơn	03/06/1987	T. Quảng Bình	Khá	A288281	550QT14
K11.400.0775	Phan Vũ Phương	Thảo	08/11/1986	T. Quảng Ngãi	Khá	A288280	551QT14
K11.400.0776	Bùi Phương	Thảo	01/10/1987	T. Bình Định	Giỏi	A288279	552QT14
K11.400.0780	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	25/07/1987	Quảng Nam	Khá	A288278	553QT14
K11.400.0785	Lê Thị Thu	Thủy	04/08/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288277	554QT14
K11.400.0786	Nguyễn Minh	Thắm	07/02/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A288276	555QT14
K11.400.0788	Võ Thị Cảnh	Tiên	08/12/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288275	556QT14
K11.400.0795	Nguyễn Thị Thuý	Trang	18/04/1986	T. Đắk Lắk	Khá	A288274	557QT14
K11.400.0810	Nguyễn Hứa Phương	Uyên	30/11/1987	TT HUẾ	Khá	A288273	558QT14
K11.400.0811	Nguyễn Thị	Uyên	15/08/1987	Nghệ An	Khá	A288272	559QT14
K11.400.0813	Nguyễn Thị Lâm	Viên	23/05/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288271	560QT14

K11.400.0815	Nguyễn Quốc	Việt	20/09/1980	Bình Định	Khá	A288270	561QT14
K11.400.0819	Diệu Thị	Đào	21/09/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A288269	562QT14
K11.400.0826	PHẠM THỊ ÁI	HÀ	12/06/1987	T. Quảng Trị	Khá	A288268	563QT14
K11.400.1364	Nguyễn Hoàng Phương	THẢO	23/11/1987	Tỉnh Quảng Nam	Khá	A288267	564QT14
K11.400.0688	Trần Thế	Anh	04/03/1986	T. Quảng Bình	TB Khá	A288266	565QT14
K11.400.0689	Võ Thị Tú	Anh	13/03/1987	T. Quảng Bình	Khá	A288265	566QT14
K11.400.0694	Nguyễn Hữu	Cường	09/01/1986	T. Quảng Bình	TB Khá	A288264	567QT14
K11.400.0695	Nguyễn Ngọc	Cường	20/12/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A288263	568QT14
K11.400.0697	Phạm Văn	Diệu	17/07/1984	T. Quảng Bình	Khá	A288262	569QT14
K11.400.0699	Huỳnh Phú	Duy	31/03/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A288261	570QT14
K11.400.0704	Võ Giang	Trường	13/01/1986	T. Quảng Bình	TB Khá	A288260	571QT14
K11.400.0708	Lưu Hải	Lý	20/04/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288886	622QT14
K11.400.0711	Chu Thị	Hiền	10/02/1986	T. Thanh Hoá	TB Khá	A288259	572QT14
K11.400.0712	Đỗ Nguyễn	Hiền	10/04/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A288258	573QT14
K11.400.0714	Nguyễn Trung	Hiếu	09/10/1987	T. Quảng Nam	Khá	A288257	574QT14
K11.400.0718	Nguyễn Văn	Hùng	04/03/1983	T.Quảng Nam	TB Khá	A288256	575QT14
K11.400.0720	Trần Quang	Hậu	01/02/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288255	576QT14
K11.400.0721	Đinh Thuý	Hằng	10/06/1987	T. Nghệ An	Khá	A288254	577QT14
K11.400.0722	Nguyễn	Hợp	29/02/1984	T. Quảng Trị	TB Khá	A288253	578QT14
K11.400.0726	Ngô Thị Giang	Hương	11/07/1987	T. Gia Lai	Khá	A288721	579QT14
K11.400.0730	Rương Thị Nhật	Linh	07/09/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288251	580QT14
K11.400.0733	Nguyễn Hoàng	Lê	17/07/1987	TT HUẾ	Khá	A288250	581QT14
K11.400.0734	Trà Thị	Lệ	01/07/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288249	582QT14
K11.400.0735	Trương Văn	Lô	05/03/1986	Quảng Nam	TB Khá	A288248	583QT14
K11.400.0737	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/07/1987	T. Quảng Bình	TB Khá	A288247	584QT14
K11.400.0741	Nguyễn Đình	Nam	11/07/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288246	585QT14
K11.400.0743	Nguyễn Thiều	Nga	01/07/1985	TP Đà Nẵng	Khá	A288286	586QT14
K11.400.0744	Nguyễn Thị	Nga	15/04/1985	T. Quảng Bình	TB Khá	A288720	587QT14
K11.400.0750	Huỳnh Đăng	Nguyên	17/05/1987	Bình Định	Khá	A288719	588QT14
K11.400.0758	Huỳnh Thị Thanh	Phương	23/06/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288718	589QT14

K11.400.0763	Trần Lê Diệu	Quỳnh	18/06/1987	T. Bình Định	TB Khá	A288717	590QT14
K11.400.0767	Huỳnh Ngọc	Sơn	29/11/1982	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288716	591QT14
K11.400.0770	Nguyễn Phước	Sơn	18/07/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A288715	592QT14
K11.400.0774	Dương Quốc	Thái	12/04/1985	T. Quảng Nam	Khá	A288714	593QT14
K11.400.0777	Trần Thị Quỳnh	Thảo	18/05/1987	Đà Nẵng	Khá	A288713	594QT14
K11.400.0783	Trịnh Thị Thanh	Thúy	16/04/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288712	595QT14
K11.400.0787	Trần Thị Tố	Thơ	20/10/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288711	596QT14
K11.400.0793	Võ Văn	Toàn	04/09/1987	T. Bình Định	Khá	A288710	597QT14
K11.400.0796	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	10/02/1986	T. Quảng Nam	Khá	A288709	598QT14
K11.400.0806	Đỗ Hữu	Tâm	10/07/1986	TP Đà Nẵng	TB Khá	A288708	599QT14
K11.400.0808	Nguyễn Lê Tuấn	Tường	20/07/1984	T. Quảng Ngãi	TB Khá	A288707	600QT14
K11.400.0809	Trần Minh	Tùng	20/09/1986	T. Bình Định	TB Khá	A288772	601QT14
K11.400.0814	Võ Quốc	Việt	17/12/1985	T. Quảng Nam	TB Khá	A288705	602QT14
K11.400.0816	Hồ Đình	Văn	08/07/1985	T. Nghệ An	TB Khá	A288704	603QT14
K11.400.0818	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	17/10/1987	T. Bình Định	Khá	A288703	604QT14
K11.400.0828	Huỳnh Anh	Hoa	30/12/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A288702	605QT14
K11.400.0764	Hoàng Đức	Quý	03/03/1986	T. Nghệ An	TB Khá	A288701	606QT14
K11.400.0736	Lê Thành	Lợi	19/09/1987	T. Bình Định	TB Khá	A288871	607QT14
K11.424.0936	Lê Thị Hồng	Anh	25/11/1987	T. Quảng Ngãi	Khá	A0160241	168NH24
K11.424.0947	Nguyễn Nữ Hoàng	Duyên	20/09/1986	T. Quảng Nam	Khá	A0160242	169NH24
K11.424.0953	Nguyễn Thị Quý	Hà	02/05/1987	T. Quảng Bình	Giỏi	A0160243	170NH24
K11.424.0967	Nguyễn Thị	Hằng	03/08/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160244	171NH24
K11.424.0968	Nguyễn Trần Thu	Hằng	15/01/1987	T. Gia Lai	Khá	A0160245	172NH24
K11.424.0971	Cao Thị Thanh	Hương	28/02/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160246	173NH24
K11.424.0972	Nguyễn Thị Lệ	Hương	02/06/1987	TT HUẾ	Giỏi	A0160247	174NH24
K11.424.0973	Phan Thị Thuỳ	Hương	06/04/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160248	175NH24
K11.424.0978	Trương Thị Hoa	Lài	16/07/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160249	176NH24
K11.424.0979	Lê Huỳnh Mỹ	Linh	19/05/1987	Quảng Nam	Khá	A0160250	177NH24
K11.424.0980	Phạm Thị Ngọc	Linh	23/07/1987	T. Gia Lai	Khá	A0160251	178NH24
K11.424.0981	Đỗ Mai Diệu	Linh	06/11/1985	Nghĩa Bình	Giỏi	A0160252	179NH24

K11.424.0982	Phạm Thị Bích	Liên	17/04/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160253	180NH24
K11.424.0984	Nguyễn Thị	Loan	24/09/1987	T. Đắk Lắk	Khá	A0160254	181NH24
K11.424.0995	Trần Thị	Nga	02/11/1987	Nghệ An	Khá	A289483	182NH24
K11.424.1002	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	28/11/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A0160256	183NH24
K11.424.1004	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	11/06/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160257	184NH24
K11.424.1005	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/04/1987	T. Đắk Lắk	Khá	A0160258	185NH24
K11.424.1009	Nguyễn Thị Kim	Nở	09/10/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160259	186NH24
K11.424.1010	Phan Thị Trinh	Nữ	07/10/1986	T. Quảng Trị	Khá	A0160260	187NH24
K11.424.1016	Lê Thị Đỗ	Phương	15/01/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160261	188NH24
K11.424.1019	Lê Thị Bảo	Quyên	15/10/1986	Đà Nẵng	Khá	A0160262	189NH24
K11.424.1026	Trần Thị Bích	Thảo	18/07/1986	T. Đắk Lắk	Giỏi	A0160263	190NH24
K11.424.1027	Bùi Thị Thanh	Thúy	11/08/1988	T. Gia Lai	Khá	A0160264	191NH24
K11.424.1031	Hồ Như	Thủy	29/01/1987	T. Đắk Lắk	Giỏi	A0160265	192NH24
K11.424.1032	Phạm Thị Hồng	Thủy	03/09/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160266	193NH24
K11.424.1033	Võ Thị Thanh	Thủy	08/05/1986	T. KonTum	Khá	A0160267	194NH24
K11.424.1034	Đào Thị Thu	Thủy	10/03/1986	T. Gia Lai	Khá	A0160268	195NH24
K11.424.1042	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/03/1987	T. Quảng Bình	Khá	A0160269	196NH24
K11.424.1043	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/01/1988	T. Điện Biên	Khá	A0160270	197NH24
K11.424.1056	Lâm Quỳnh	Vĩ	27/12/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A0160271	198NH24
K11.424.1078	BÙI THỊ KIM	CHI	21/05/1986	Tỉnh Bình Định	Khá	A0160272	199NH24
K11.424.1169	NGUYỄN THỊ	NHUNG	04/02/1987	Tỉnh Quảng Ngãi	Giỏi	A0160273	200NH24
K11.424.1234	Phan Thục	Uyên	06/03/1987	Tỉnh Quảng Nam	Khá	A0160274	201NH24
K11.424.0938	Đoàn Sơn	Anh	01/06/1987	T. Quảng Ngãi	TB Khá	A0160275	202NH24
K11.424.0940	Dương Đức	Bun	16/06/1986	Bungari	TB Khá	A0160276	203NH24
K11.424.0944	Phan Công	Cường	10/12/1986	T. Hà Tĩnh	TB Khá	A0160277	204NH24
K11.424.0949	Lê Thị Trang	Em	04/10/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160278	205NH24
K11.424.0952	Lương Thị Thanh	Hà	03/10/1986	Quảng Bình	Khá	A0160279	206NH24
K11.424.0954	Đặng Thị	Hà	23/06/1985	T. Đắk Lắk	Khá	A0160280	207NH24
K11.424.0955	Nguyễn Vĩnh	Hải	07/05/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A0160281	208NH24
K11.424.0956	Nguyễn Thị Minh	Hào	25/04/1987	Bình Trị Thiên	Khá	A0160282	209NH24

K11.424.0957	Lê Thị	Liên	06/04/1984	Quảng Ngãi	Khá	A0160283	210NH24
K11.424.0958	Lê Thị Thanh	Hiền	11/10/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A0160284	211NH24
K11.424.0960	Mai Tuyết	Hoa	06/09/1986	T. Quảng Bình	TB Khá	A0160285	212NH24
K11.424.0962	Huỳnh Thị Bích	Hoà	21/05/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A0160286	213NH24
K11.424.0974	Võ Thị Lan	Hương	20/01/1986	TT HUẾ	TB Khá	A0160287	214NH24
K11.424.0975	Lê Thị Trung	Kim	01/09/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160288	215NH24
K11.424.0976	Lê Nữ Hoàng	Lan	28/03/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A0160289	216NH24
K11.424.0977	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	31/08/1986	T. Quảng Nam	TB Khá	A0160290	217NH24
K11.424.0985	Đoàn Thanh	Lâm	01/02/1987	T. Quảng Bình	TB Khá	A0160291	218NH24
K11.424.0987	Nguyễn Thị	Lệ	15/10/1986	T. Quảng Nam	Khá	A0160292	219NH24
K11.424.0989	Nguyễn Thị Tuyết	Lợi	06/05/1986	T. Gia Lai	Khá	A0160293	220NH24
K11.424.0990	Đỗ Thị Thắng	Lợi	23/06/1986	T. Gia Lai	Khá	A0160294	221NH24
K11.424.0991	Hồ Hữu	Lực	02/02/1986	T. Nghệ An	TB Khá	A0160295	222NH24
K11.424.0992	Phạm Công	Minh	25/04/1986	T. Quảng Nam	Khá	A0160296	223NH24
K11.424.0993	Bùi Thị	Mến	24/09/1987	T. Quảng Nam	Khá	A0160297	224NH24
K11.424.0996	Trần Bạch Thuý	Nga	17/12/1986	T. Quảng Trị	Khá	A0160298	225NH24
K11.424.1001	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	09/03/1986	T. Quảng Nam	Khá	A0160299	226NH24
K11.424.1008	Ngô Đức	Nhật	17/10/1987	T. Quảng Nam	TB Khá	A0160300	227NH24
K11.424.1011	Nguyễn Thị Kim	Oanh	18/04/1987	T. Gia Lai	Khá	A288245	228NH24
K11.424.1013	Nguyễn Tấn	Phong	03/11/1987	Bình Định	Khá	A289401	229NH24
K11.424.1015	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	19/05/1986	Bình Trị Thiên	TB Khá	A289500	230NH24
K11.424.1021	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	30/08/1987	TP Đà Nẵng	Khá	A289499	231NH24
K11.424.1022	Phạm Nữ Dương	Quyên	23/09/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289498	232NH24
K11.424.1029	Nguyễn Thị	Thuý	04/11/1986	Nghệ An	Khá	A289497	233NH24
K11.424.1030	Phan Thị Thanh	Thuý	11/10/1987	T. Bình Định	Khá	A289496	234NH24
K11.424.1039	Nguyễn Thanh	Thư	18/10/1985	T. Quảng Nam	Khá	A289495	235NH24
K11.424.1041	Lê Thị Huyền	Trang	20/08/1986	T. Nghệ An	TB Khá	A289494	236NH24
K11.424.1044	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289493	237NH24
K11.424.1045	Nguyễn Thị Thuý	Trang	10/04/1987	T. Bình Định	TB Khá	A289452	238NH24
K11.424.1050	Phạm Thị	Tuyết	30/07/1987	T. KonTum	Khá	A289451	239NH24

K11.424.1051	Nguyễn Anh	Tuấn	08/10/1987	T. Quảng Bình	Khá	A289492	240NH24
K11.424.1052	Nguyễn Anh	Tuấn	17/09/1987	T. Nghệ An	TB Khá	A289490	241NH24
K11.424.1054	Hồ Tấn	Tuấn	19/08/1985	T. Quảng Nam	Khá	A289491	242NH24
K11.424.1058	Đỗ Văn	Vinh	13/05/1987	TP Đà Nẵng	TB Khá	A289489	243NH24
K11.424.1061	Trần Ngọc	Vũ	04/12/1981	T. Quảng Nam	TB Khá	A289488	244NH24
K11.424.1063	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	05/12/1986	T. Quảng Nam	Khá	A289487	245NH24
K11.424.1064	Trần Thị Quỳnh	Vân	20/11/1986	T. Quảng Ngãi	Khá	A289486	246NH24
K11.424.1065	Hoàng Thị Anh	Đào	11/09/1987	T. Quảng Nam	Khá	A289485	247NH24
K11.424.1066	Nguyễn Quang	Định	15/07/1986	TP Đà Nẵng	Khá	A289484	248NH24
K11.424.1059	Dương Thị Cẩm	Việt	02/02/1987	T. Quảng Ngãi	Khá	A288888	249NH24
0453	TRẦN THANH	SỸ	14/03/1985	QUẢNG TRỊ	TB Khá	A288889	250NH24
0410	NGUYỄN XUÂN	CƯỜNG	29/03/1984	NGHỆ AN	TB Khá	A288887	251NH24
460	ĐINH HỒNG	THUẬT	02/06/1984	HÀ TĨNH	TB Khá	A288890	252NH24
5984	TRẦN TRỌNG	KIM	01/01/1983	QUẢNG NAM	TB Khá	A288891	253NH24
8895	NGUYỄN THỊ HẢI	HIỀN	10/05/1983	QUẢNG TRỊ	TB Khá	A288892	254NH24
8931	NGUYỄN TÀI	NGHĨA	01/08/1982	QUẢNG TRỊ	TB Khá	A288893	255NH24
8840	HOÀNG THU	THẢO	20/11/1984	TUYÊN QUANG	Trung bình	A288894	256NH24
8882	TRƯƠNG THỊ	DUYÊN	02/02/1985	BÌNH ĐỊNH	Trung bình	A288895	257NH24
QĐ/1179/ĐT/ ĐHDT NGÀY 05/9/2009							
K11.456.1317	Trương Thị	Lý	300686	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A289652	197KD32
K11.456.1383	Lê Thanh	Thủy	211187	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A289653	198KD32
K11.456.1362	Nguyễn Quốc	Thái	190786	Hà Tĩnh	Trung Bình Khá	A289654	199KD32
K10.405.0819	Lê Thị Như	Thảo	250986	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A289655	200KD32
K10.405.0849	Nguyễn Thị Xuân	Trang	240185	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A289656	201KD32
K09.405.6865	Trần Thị Mai	Liên	24/04/2203	Quảng Bình	Khá	A289657	202KD32
K11.455.1225	Nguyễn Văn	Trường	301286	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A289629	369KK27
K11.455.1821	Trần Thị Thu	Duyên	091087	Quảng Trị	Khá	A289628	370KK27
K09.404.9148	Lê Thị Kim	Tuyền	11/04/2614	Bình Định	TB Khá	A288784	371KK27
121322543	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	230888	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170383	503CDK23

121322590	Dương Thị	Lý	050188	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170382	504CDK23
121322859	Nguyễn Thị Anh	Đào	010187	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170381	505CDK23
K11.103.0002	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	22/04/1987	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A288796	33TVT47
K11.102.0086	Ngô Phi	Thành	08/12/1984	T. Quảng Bình	Trung Bình Khá	A288794	19PM25
8257	Trần Ngọc	Tuân	23/07/1985	Đà Nẵng	Trung Bình	A288793	20PM25
6530	Trần Văn	Thắng	30/03/1981	Quảng Bình	Trung Bình	A288795	32KTM26
121132964	Hầu Thanh	Đại	19/03/1986	Đà Nẵng	TB Khá	A170380	314CDT
121133023	Lê Thị Thu	Hiền	20/08/1988	TT_Huế	TB Khá	A170379	315CDT
K11.C65.1501	VÕ THANH	HẢI	01/02/1987	Bình Định	TB Khá	A170378	532CDX
1331	TRẦN THANH	TRUNG	05/10/1979	Quảng Nam	Trung Bình	A288792	449XD18
K11.423.0878	Cao Xuân	Anh	26/03/1987	Nghệ An	TB Khá	A288791	56TC28
K11.423.0935	Bùi Quang	Đại	08/08/1986	Nghệ An	TB Khá	A288790	57TC28
K11.423.0892	Diệp Hữu	Hào	12/02/1985	Bình Định	TB Khá	A288789	58TC28
K11.400.0799	Mai Thị Anh	Tuyết	19/12/1983	Đà Nẵng	Khá	A288788	623QT14
K11.400.1312	NGUYỄN CƯƠNG	LUẬN	14/12/1987	Bình Định	TB Khá	A288787	624QT14
K11.400.0729	Nguyễn Thị Mai	Linh	17/10/1987	Quảng Nam	TB Khá	A288786	625QT14
466	CHÂU MINH	TIẾN	18/02/1986	Quảng Ngãi	Trung Bình	A288785	258NH24
QĐ/1179/ĐT/ ĐHDT NGÀY 05/9/2009 HỆ LIÊN THÔNG CĐ-ĐH							
132311081	Nguyễn Thị Kim	Anh	131283	Quảng Nam	Khá	A289630	01KD34
132311083	Phan Lê Kiều	Dung	021284	Quảng Nam	Giỏi	A288802	02KD34
132311084	Nguyễn Đình Nhị	Giang	241086	Bình Định	Giỏi	A288803	03KD34
132311086	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	200286	Quảng Nam	Xuất Sắc	A288804	04KD34
132311087	Đặng Thị	Hạnh	060686	Quảng Bình	Khá	A288805	05KD34
132311090	Nguyễn Thị Hằng	Nga	211086	Quảng Nam	Xuất Sắc	A28880	06KD34
132311091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	080485	Quảng Trị	Giỏi	A288809	07KD34
132311092	Hồ Thị Thanh	Thủy	220883	Quảng Nam	Giỏi	A288810	08KD34
132311093	Hồ Thị Tổ	Quyên	171085	Bình Định	Khá	A288811	09KD34
132321102	Nguyễn Thị Phương	Anh	261084	Đak Lak	Giỏi	A288812	10KD34
132321103	Trần Thị	Bê	160585	Quảng Bình	Xuất Sắc	A288813	11KD34

132321104	Lê Thị Kim	Chung	211283	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A288814	12KD34
132321105	Lê Thị Ngọc	Diệp	280283	Đà Nẵng	<i>Xuất Sắc</i>	A288815	13KD34
132321106	Trần Đoàn Thanh	Duyên	141086	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A288816	14KD34
132321107	Phạm Thị	Én	100884	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A288817	15KD34
132321108	Nguyễn Thị	Hà	111284	Quảng Bình	<i>Giỏi</i>	A288818	16KD34
132321109	Trần Thị	Hà	100485	Thanh Hóa	<i>Xuất Sắc</i>	A288819	17KD34
132321110	Nguyễn Thị	Hằng	021185	Quảng Bình	<i>Khá</i>	A288820	18KD34
132321114	Lê Thị	Huê	101083	Thanh Hóa	<i>Khá</i>	A288821	19KD34
132321116	Tạ Việt	Hùng	260185	Quảng Trị	<i>Giỏi</i>	A288822	20KD34
132321118	Huỳnh Kim	Huy	160185	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A288823	21KD34
132321121	Nguyễn Thị Diễm	Khôi	290586	Quảng Ngãi	<i>Xuất Sắc</i>	A288824	22KD34
132321123	Bùi Đức	Lâm	080485	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A288825	23KD34
132321124	Nguyễn Mai	Lan	240485	Quảng Trị	<i>Giỏi</i>	A288776	24KD34
132321125	Cao Thị Hiền	Lành	260881	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A288777	25KD34
132321126	Nguyễn Thị Minh	Lê	060185	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A288778	26KD34
132321129	Võ Thị Bích	Liên	200285	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A288779	27KD34
132321130	Nguyễn Hồng	Liên	220382	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A288780	28KD34
132321132	Đoàn Thị	Mai	041085	Quảng Trị	<i>Giỏi</i>	A288781	29KD34
132321133	Trương Thị Ánh	Mai	140985	Bình Định	<i>Khá</i>	A288782	30KD34
132321134	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	211186	Bình Định	<i>Khá</i>	A288783	31KD34
132321141	Trần Thị Mỹ	Nữ	240886	Bình Định	<i>Khá</i>	A289631	32KD34
132321142	Phạm Thị Kim	Oanh	220585	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A289632	33KD34
132321144	Vũ Xuân	Phúc	170986	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A289633	34KD34
132321145	Trần Quỳnh	Phương	280385	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A289634	35KD34
132321146	Trần Thị Bích	Phương	031285	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A289635	36KD34
132321147	Cao Thị Ngọc	Phượng	240785	Quảng Nam	<i>Xuất Sắc</i>	A289636	37KD34
132321150	Lê Thị Thu	Sương	071184	Quảng Trị	<i>Khá</i>	A289637	38KD34
132321151	Bùi Công	Thành	180784	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A289638	39KD34
132321152	Trần Thị Hồ	Thảo	030785	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A289639	40KD34
132321153	Đinh Thị	Thảo	201083	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A289640	41KD34

132321154	Trương Thị	Thừa	040185	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A289641	42KD34
132321155	Nguyễn Thị Duy	Thương	130986	Quảng Nam	<i>Khá</i>	A289642	43KD34
132321156	Phan Thị Phương	Thúy	261085	Đà Nẵng	<i>Khá</i>	A289643	44KD34
132321157	Phạm Thị Thu	Thủy	260485	Quảng Ngãi	<i>Giỏi</i>	A289644	45KD34
132321158	Phạm Thị Thảo	Tiên	251086	TT Huế	<i>Giỏi</i>	A289645	46KD34
132321159	Trần Thị Huyền	Trà	021086	Gia Lai	<i>Giỏi</i>	A289646	47KD34
132321161	Phạm Hồng	Trang	090685	Đà Nẵng	<i>Giỏi</i>	A289647	48KD34
132321162	Nguyễn Thị Thùy	Trang	110386	TT Huế	<i>Giỏi</i>	A289648	49KD34
132321165	Đoàn Thị Tú	Trình	140985	Quảng Nam	<i>Xuất Sắc</i>	A289649	50KD34
132321172	Trương Thị Cẩm	Vân	130486	Quảng Bình	<i>Khá</i>	A289650	51KD34
132321176	Phan Thị Hải	Yến	040486	TT Huế	<i>Khá</i>	A289651	52KD34
QĐ/2005/ĐT/ĐHDT NGÀY 10/12/2009 HỆ ĐẠI HỌC BẮNG HAI							
03.406.007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	21/01/1982	Quảng Ngãi	Khá	A289536	IIKT65
03.406.014	Bùi Thị	Hà	25/02/1986	Nam Định	TBK	A289537	IIKT66
03.406.015	Đồng Thị Thanh	Hải	20/10/1984	Đà Nẵng	Giỏi	A289538	IIKT67
03.406.019	Nguyễn Thị	Hằng	03/08/1987	Quảng Bình	Giỏi	A289539	IIKT68
03.406.090	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/02/1983	Đà Nẵng	Khá	A289540	IIKT69
03.406.097	Phan Vũ Phương	Thảo	08/11/1986	Quảng Ngãi	Giỏi	A289541	IIKT70
03.406.120	Trần Xuân	Trọng	15/03/1982	Quảng Bình	Khá	A289542	IIKT71
03.406.155	Đặng Thị	Hải	06/06/1987	Thanh Hóa	Khá	A289543	IIKT72
03.406.098	Nguyễn Ngọc	Thiều	18/04/1982	Quảng Nam	Khá	A289544	IIKT73
03.406.006	Đậu Thị	Cúc	28/11/1986	Nghệ An	Khá	A289545	IIKT74
03.406.133	Trần Thị	Dịu	22/09/1985	Ninh Bình	TBK	A289546	IIKT75
03.406.008	Phạm Thị Kim	Dung	09/01/1986	Hà Nam	Khá	A289547	IIKT76
03.406.134	Lê Thị	Duyên	27/09/1983	Thanh Hóa	Khá	A289548	IIKT77
03.406.140	Nguyễn Thị	Dương	10/05/1984	Nghệ An	TBK	A289549	IIKT78
03.406.017	Trần Thị Như	Hải	10/11/1986	Đà Nẵng	TBK	A289550	IIKT79
03.406.020	Lê Thị	Hạnh	16/10/1984	Ninh Bình	TBK	A289551	IIKT80
03.406.021	Nguyễn Thúy	Hạnh	30/10/1985	Hải Dương	TBK	A289552	IIKT81
03.406.018	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/09/1987	Hòa Bình	Khá	A289553	IIKT82

03.406.022	Lý Ái	Hậu	20/05/1987	Quảng Nam	TBK	A289554	IIKT83
03.406.023	Nguyễn Phạm Thị Thanh	Hiền	08/01/1986	Khánh Hòa	TBK	A289555	IIKT84
03.406.025	Nguyễn Thu	Hiền	24/10/1985	Đà Nẵng	TBK	A289600	IIKT85
03.406.024	Tổng Thị Thu	Hiền	27/01/1987	Thái Bình	Giỏi	A289556	IIKT86
03.406.026	Hoàng Thị	Hiệp	13/04/1984	Nghệ An	Khá	A289557	IIKT87
03.406.143	Hà Thị	Hoa	24/10/1987	Thái Bình	TBK	A289558	IIKT88
03.406.027	Nguyễn Thị	Hoa	15/06/1987	Bắc Giang	Khá	A289559	IIKT89
03.406.029	Đỗ Thị	Hòa	05/04/1982	Thanh Hóa	TBK	A289560	IIKT90
03.406.030	Nguyễn Thị	Hòa	24/07/1987	Nghệ An	Khá	A289561	IIKT91
03.406.031	Phạm Thị Vũ	Hoàng	25/02/1983	Quảng Bình	Khá	A289562	IIKT92
03.406.032	Nguyễn Thị	Hồng	01/04/1984	Thanh Hóa	Khá	A289563	IIKT93
03.406.036	Phạm Thị	Huệ	20/02/1985	Thanh Hóa	Khá	A289564	IIKT94
03.406.040	Ngô Thị	Hương	01/07/1985	Nghệ An	TBK	A289565	IIKT95
03.406.038	Nguyễn Minh	Hương	09/03/1987	Thanh Hóa	TBK	A289566	IIKT96
03.406.041	Nguyễn Thị	Hường	06/11/1987	Nghệ An	Khá	A289567	IIKT97
03.406.145	Phạm Thị	Hường	15/01/1984	Thái Bình	Khá	A289568	IIKT98
03.406.146	Vũ Thị	Hường	14/04/1987	Nam Định	Khá	A289569	IIKT99
03.406.052	Nguyễn Hoàng Lê	Liên	07/02/1986	Hà Nam	TBK	A289570	IIKT100
03.406.051	Nguyễn Thị	Liên	10/05/1987	Phú Yên	TBK	A289571	IIKT101
03.406.148	Văn Thị Cẩm	Linh	28/10/1985	Đà Nẵng	TBK	A289572	IIKT102
03.406.054	Lê Thị	Loan	01/10/1984	Thanh Hóa	Khá	A289573	IIKT103
03.406.149	Nguyễn Thị	Mai	01/09/1984	Hà Tây	Khá	A289574	IIKT104
03.406.060	Hoàng Thị	Mến	03/03/1985	Ninh Bình	Khá	A289575	IIKT105
03.406.061	Trương Thị	Mến	22/02/1986	Lạng Sơn	Khá	A289501	IIKT106
03.406.064	Trương Thị Thanh	Nga	29/03/1986	Hà Nam	TBK	A289502	IIKT107
03.406.066	Vũ Thị Hồng	Nghĩa	31/05/1983	Nam Định	Khá	A289503	IIKT108
03.406.067	Đoàn Thị	Ngọc	14/08/1984	Ninh Bình	TBK	A289504	IIKT109
03.406.070	Nguyễn Thị Minh	Nhật	21/03/1987	Phú Yên	Khá	A289505	IIKT110
03.406.071	Hoàng Thảo	Nhi	01/05/1987	Quảng Trị	Khá	A289506	IIKT111
03.406.073	Nguyễn Thị	Nhung	01/09/1987	Nghệ An	TBK	A289507	IIKT112

03.406.076	Đào Thị	Oanh	06/06/1984	Thanh Hóa	Khá	A289508	IIKT113
03.406.078	Nguyễn Thị	Oanh	05/10/1985	Nam Định	Khá	A289509	IIKT114
03.406.135	Trần Thị	Oanh	24/07/1987	Vĩnh Phúc	Khá	A289510	IIKT115
03.406.081	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/04/1985	Ninh Bình	TBK	A289511	IIKT116
03.406.085	Phạm Thị	Phượng	23/10/1985	Thái Bình	Khá	A289512	IIKT117
03.406.088	Phạm Như	Quỳnh	05/03/1986	Thái Bình	Khá	A289513	IIKT118
03.406.091	Nguyễn Thị	Thanh	09/06/1985	Nghệ An	Khá	A289514	IIKT119
03.406.095	Trương Thị Thanh	Thảo	05/03/1986	Đà Nẵng	TB	A289515	IIKT120
03.406.099	Nguyễn Thị	Thơ	26/11/1987	Thái Bình	TBK	A289516	IIKT121
03.406.103	Hà Thị Huyền	Thu	31/08/1987	Thái Bình	Khá	A289517	IIKT122
03.406.154	Trịnh Hoài	Thu	02/12/1987	Nam Định	Khá	A289518	IIKT123
03.406.113	Bùi Thị	Trang	28/03/1987	Ninh Bình	TBK	A289519	IIKT124
03.406.138	Trần Khánh	Trang	21/01/1983	Huế	Khá	A289520	IIKT125
03.406.111	Văn Bảo	Trân	27/08/1987	Đà Nẵng	Khá	A289521	IIKT126
03.406.123	Lê Thị	Tuyến	21/01/1985	Hà Tây	Khá	A289522	IIKT127
03.406.122	Phạm Thị	Tươi	05/10/1987	Thái Bình	Khá	A289523	IIKT128
03.406.127	Nguyễn Thị Hồng	Vân	07/09/1977	Đà Nẵng	Khá	A289524	IIKT129
03.406.128	Vũ Thị	Việt	20/07/1986	Thanh Hóa	TBK	A289525	IIKT130
03.406.130	Hoàng Thị Thanh	Xuân	20/12/1985	Quảng Bình	TBK	A289526	IIKT131
02.KT.082	Võ Thanh	Bình	19/01/1976	Đà Nẵng	Khá	A289527	IIKT132
02.KT.034	Dương Thị Phương	Lan	22/12/1983	Nghệ An	TBK	A289528	IIKT133
02.KT.054	Nguyễn Thị	Phương	28/09/1983	Nghệ An	TBK	A289529	IIKT134
02.KT.057	Đinh Thị Hương	Sen	03/01/1984	Nam Định	TBK	A289530	IIKT135
02.KT.064	Lê Thị	Thủy	13/08/1985	Hà Nam	TBK	A289531	IIKT136
02.KT.066	Nguyễn Thị Hồng	Thuyền	25/11/1980	Quảng Bình	TBK	A289532	IIKT137
02.KT.069	Hồ Thị Thu	Trang	23/11/1974	TT-Huế	Khá	A289533	IIKT138
02.KT.075	Phạm Thành	Trung	17/01/1985	Hà Nam	TBK	A289534	IIKT139
02.KT.081	Lê Thị	Yến	20/11/1985	Hà Tĩnh	Khá	A289535	IIKT140
03.404.005	Nguyễn Thị Minh	Châu	18/12/1987	Quảng Bình	Giỏi	A288959	IINH44
03.404.010	Huỳnh Phú	Duy	31/03/1987	Quảng Nam	Khá	A288960	IINH45

03.404.102	Đặng Công	Đức	12/10/1985	Đà Nẵng	Khá	A288961	IINH46
03.404.013	Lê Thị Ngọc	Hà	27/12/1987	Quảng Bình	Giỏi	A288962	IINH47
03.404.116	Đinh Thúy	Hằng	10/06/1987	Nghệ An	TBK	A288963	IINH48
03.404.106	Trần Quang	Hậu	01/02/1986	Quảng Nam	TBK	A288964	IINH49
03.404.029	Đinh Quốc	Huy	20/10/1985	Ninh Bình	TBK	A288965	IINH50
03.404.036	Nguyễn Thị Mai	Linh	17/10/1987	Quảng Nam	TBK	A288966	IINH51
03.404.037	Nguyễn Thị Thùy	Linh	31/05/1984	Quảng Bình	Khá	A288958	IINH52
03.404.118	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/07/1987	Quảng Bình	TBK	A288967	IINH53
03.404.045	Đặng Thị Thảo	Nguyên	14/03/1987	Quảng Bình	Khá	A288968	IINH54
03.404.051	Lâm Ngọc	Phượng	23/08/1986	Quảng Nam	Khá	A288969	IINH55
03.404.122	Nguyễn Thị	Sáu	10/01/1986	Quảng Bình	Giỏi	A288970	IINH56
03.404.056	Dương Công	Son	03/06/1987	Quảng Bình	Khá	A288971	IINH57
03.404.060	Nguyễn Minh	Thắm	07/02/1985	Đà Nẵng	Khá	A288972	IINH58
03.404.071	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	27/09/1987	Quảng Bình	Giỏi	A288973	IINH59
03.404.076	Bùi Thị	Trang	26/02/1985	Quảng Nam	TBK	A288974	IINH60
03.404.079	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/04/1986	ĐăkLăk	Khá	A288975	IINH61
03.404.089	Phạm Thị Hồng	Vân	10/09/1986	Quảng Bình	TBK	A288976	IINH62
03.404.091	Nguyễn Quốc	Việt	20/09/1980	Bình Định	Giỏi	A288977	IINH63
03.404.024	Võ Vũ	Hoàng	08/12/1985	Quảng Bình	TBK	A288978	IINH64
03.404.035	Phạm Khánh	Linh	26/09/1986	Thanh Hóa	Khá	A288979	IINH65
03.404.004	Trương Thị Sơn	Ca	24/06/1987	Quảng Nam	Khá	A288980	IINH66
03.404.121	Trương Quốc	Cường	17/08/1987	Đà Nẵng	TBK	A288981	IINH67
03.404.007	Huỳnh Nguyên	Đán	31/01/1984	Đà Nẵng	TBK	A288982	IINH68
03.404.012	Lê Thu	Hà	21/11/1987	Thanh Hóa	Khá	A288983	IINH69
03.404.103	Nguyễn Thị Thanh	Hải	27/07/1985	Đăk Lăk	TBK	A288984	IINH70
03.404.019	Huỳnh Thị Hà	Hạnh	08/07/1987	Quảng Nam	Khá	A289576	IINH71
03.404.023	Công Huyền Thái	Hòa	17/01/1987	Đà Nẵng	Khá	A289577	IINH72
03.404.030	Võ Thị Hải	Huyền	18/04/1987	Quảng Bình	Khá	A289578	IINH73
03.404.025	Nguyễn Thị Hoài	Hương	27/05/1983	Quảng Nam	TBK	A289579	IINH74
03.404.026	Phạm Thị Thanh	Hương	18/08/1980	Nghệ An	Khá	A289580	IINH75

03.404.028	Hoàng Thị	Hường	20/03/1984	Thanh Hóa	TBK	A289581	IINH76
03.404.038	Hoàng Thị Tường	Linh	11/04/1986	Quảng Nam	Khá	A289582	IINH77
03.404.034	Vũ Hải	Linh	24/09/1987	Nam Định	TBK	A289583	IINH78
03.404.047	Đặng Thị	Nữ	14/08/1987	Đà Nẵng	Khá	A289584	IINH79
03.404.120	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	01/06/1983	Đà Nẵng	Khá	A289585	IINH80
03.404.053	Võ Thị Trúc	Phượng	29/06/1987	Đà Nẵng	Khá	A289586	IINH81
03.404.054	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	22/08/1987	Phú Yên	Khá	A289587	IINH82
03.404.055	Phạm Thị Mai	Quỳnh	19/08/1986	Đà Nẵng	Khá	A289588	IINH83
03.404.112	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/09/1987	Đà Nẵng	TBK	A289589	IINH84
03.404.064	Lê Thị Bích	Thịnh	17/10/1987	Đà Nẵng	Khá	A289590	IINH85
03.404.098	Võ Thị Kim	Thoa	06/09/1987	Hà Tĩnh	Khá	A289591	IINH86
03.404.072	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	20/11/1984	Nghệ An	TBK	A289592	IINH87
03.404.066	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/09/1985	Quảng Bình	Khá	A289593	IINH88
03.404.100	Trần Minh	Trang	14/10/1985	Đà Nẵng	Khá	A289594	IINH89
03.404.075	Lê Quỳnh	Trâm	26/05/1987	Đà Nẵng	Khá	A289595	IINH90
03.404.088	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	24/11/1986	Quảng Nam	Khá	A289596	IINH91
03.404.090	Đinh Hoàng Nữ	Vi	17/06/1985	Đà Nẵng	TBK	A289597	IINH92
03.404.097	Nguyễn Thị Sơn	Xuân	10/12/1986	Gia Lai	TBK	A289598	IINH93
02.NH.016	Lê Thị Thu	Hậu	17/01/1985	Quảng Nam	TBK	A289599	IINH94
02.NH.018	Đặng Thị	Hoa	02/06/1985	Nam Định	TBK	A288936	IINH95
02.NH.028	Đinh Hải	Nam	18/03/1984	Sơn La	Khá	A288937	IINH96
02.NH.062	Nguyễn Thị	Hiền	16/07/1984	Quảng Nam	TBK	A288938	IINH97
02.NH.064	Nguyễn Thị	Lan	19/09/1984	Quảng Bình	Khá	A288939	IINH98
02.NH.072	Bùi Thị Thu	Ngọc	15/05/1984	Hòa Bình	TBK	A288940	IINH99
02.NH.065	Lê Thị Hồng	Nhi	27/09/1983	Quảng Nam	TBK	A288941	IINH100
02.NH.066	Huỳnh Thị	Phương	18/10/1985	Đà Nẵng	TBK	A288942	IINH101
02.NH.034	Hồ Thị Ngọc	Phượng	04/10/1985	Đà Nẵng	Khá	A288943	IINH102
02.NH.041	Võ Thị Thái	Thân	31/12/1985	Phú Yên	TBK	A288944	IINH103
02.NH.067	Lê Phương	Thảo	27/03/1986	Đà Nẵng	Khá	A288945	IINH104
02.NH.045	Nguyễn Thị Thục	Thảo	16/03/1985	Quảng Ngãi	Khá	A288946	IINH105

02.NH.046	Đặng Lê Minh	Thu	24/04/1983	Đà Nẵng	TBK	A288947	IINH106
02.NH.047	Nguyễn Thị Hà	Thúy	24/08/1984	Quảng Bình	TBK	A288948	IINH107
02.NH.069	Ngô Thu	Thủy	20/12/1985	Đà Nẵng	Khá	A288949	IINH108
02.NH.049	Nguyễn Thị Bích	Trâm	14/09/1986	Đà Nẵng	TBK	A288950	IINH109
02.NH.052	Lê Thị Ngọc	Uyên	08/07/1985	Đà Nẵng	Khá	A288951	IINH110
01.NH.129	Nguyễn Vi	Hằng	06/04/1984	Phú Yên	TBK	A288952	IINH111
01.NH.169	Cao Bảo	Ngọc	27/09/1983	Quảng Bình	Khá	A288953	IINH112
01.NH.154	Phùng Thị Mỹ	Lợi	22/01/1984	Quảng Nam	Khá	A288954	IINH113
01.NH.105	Nguyễn Thị Nhã	Trâm	09/06/1984	Huế	Khá	A288955	IINH114
01.NH.121	Lê Thị Thùy	Vân	17/02/1984	Đà Nẵng	TBK	A288956	IINH115
01.NH.075	Lê Thị Thanh	Yên	20/05/1975	Đà Nẵng	TBK	A288957	IINH116
03.400.002	Trịnh Công	Án	14/10/1986	Thái Bình	TBK	A289601	IIQT43
03.400.050	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25/05/1986	Quảng Trị	Khá	A289602	IIQT44
03.400.079	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/12/1987	Gia Lai	Giỏi	A289603	IIQT45
03.400.091	Vũ Đức	Thành	26/08/1986	Đắk Lắk	Khá	A289604	IIQT46
03.400.109	Tổng Văn	Tuấn	02/10/1985	Thanh Hóa	TBK	A289605	IIQT47
03.400.016	Võ Thanh	Diện	18/04/1986	Quảng Nam	TBK	A289606	IIQT48
03.400.128	Nguyễn Xuân	Dũng	30/10/1987	Quảng Bình	Khá	A289607	IIQT49
03.400.019	Hồ Hà	Đông	18/07/1975	Vĩnh Phú	Giỏi	A289608	IIQT50
03.400.027	Cao Minh	Hà	20/06/1986	Quảng Ngãi	Khá	A289609	IIQT51
03.400.047	Lê Ngọc	Khánh	09/01/1985	Đà Nẵng	TBK	A289610	IIQT52
03.400.141	Dương Thị Hồng	Loan	31/10/1983	Đà Nẵng	Khá	A289611	IIQT53
03.400.053	Lê Thanh	Long	07/10/1983	Thanh Hóa	Khá	A289612	IIQT54
03.400.064	Nguyễn Ái	Nhân	20/04/1977	Quảng Trị	Khá	A289613	IIQT55
03.400.077	Ngô Tấn	Quang	16/02/1983	Đà Nẵng	Khá	A289614	IIQT56
03.400.081	Trần Bình	Son	30/05/1974	Quảng Ninh	Khá	A289615	IIQT57
03.400.085	Phan Thanh	Tâm	25/12/1981	Đà Nẵng	Khá	A289616	IIQT58
03.400.088	Đinh Thị Hoài	Thanh	16/05/1985	Quảng Bình	Khá	A289617	IIQT59
03.400.090	Mai Xuân	Thành	13/07/1981	Đà Nẵng	TBK	A289618	IIQT60
03.400.103	Vũ Đình	Trung	26/10/1984	Đà Nẵng	Khá	A289619	IIQT61

03.400.107	Trương Duy	Tuấn	01/01/1987	Quảng Nam	TBK	A289620	IIQT62
03.400.115	Huỳnh Văn	Vinh	20/01/1983	Đà Nẵng	Khá	A289621	IIQT63
03.400.139	Thân	Lai	01/01/1978	Quảng Nam	Khá	A289622	IIQT64
03.400.007	Bùi Đắc	Anh	08/08/1983	Hà Tĩnh	TBK	A289623	IIQT65
03.400.003	Đào Ngọc Trâm	Anh	29/08/1985	Đà Nẵng	Khá	A289624	IIQT66
03.400.026	Nguyễn Thụy Mạnh	Hà	25/10/1982	Đà Nẵng	Khá	A289625	IIQT67
03.400.129	Lê Minh Hoàng	Hải	01/03/1987	Quảng Nam	Khá	A289626	IIQT68
03.400.033	Nguyễn Quốc	Hiếu	02/11/1986	Đà Nẵng	TBK	A288901	IIQT69
03.400.032	Trần Thanh	Hiếu	02/01/1985	Đà Nẵng	Khá	A288902	IIQT70
03.400.044	Nguyễn Thị Đoan	Huy	04/04/1982	Quảng Nam	TBK	A288903	IIQT71
03.400.041	Nguyễn Thị Lan	Hương	05/03/1987	Đà Nẵng	Giỏi	A288904	IIQT72
03.400.042	Trần Ngọc	Hương	01/07/1982	Hưng Yên	TBK	A288905	IIQT73
03.400.142	Trần Vũ Duy	Mẫn	31/01/1980	Đà Nẵng	TBK	A288906	IIQT74
03.400.060	Đặng Thị Vi	Na	22/07/1986	Đà Nẵng	TBK	A288907	IIQT75
03.400.143	Huỳnh Thị Quốc	Nam	16/03/1987	Quảng Nam	Khá	A288908	IIQT76
03.400.062	Bùi Hồng	Ngọc	27/11/1987	Đắk Lắk	Khá	A288909	IIQT77
03.400.063	Huỳnh Thị Minh	Nguyệt	11/02/1985	Đà Nẵng	TBK	A288910	IIQT78
03.400.065	Mai Nữ Huyền	Nhân	28/06/1986	Quảng Bình	Khá	A288911	IIQT79
03.400.068	Trần Thị Ngọc	Nhiên	12/10/1984	Đà Nẵng	Khá	A288912	IIQT80
03.400.071	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	29/10/1986	Đà Nẵng	Khá	A288913	IIQT81
03.400.072	Võ Minh	Phúc	23/11/1983	Nghệ An	Khá	A288914	IIQT82
03.400.074	Lê Việt	Phương	09/02/1987	Đắk Lắk	Khá	A288915	IIQT83
03.400.122	Nguyễn Thị Hoài	Phương	19/10/1978	Quảng Trị	TBK	A288916	IIQT84
03.400.075	Lê Ngọc	Quang	19/12/1981	Quảng Trị	TBK	A288917	IIQT85
03.400.092	Lê Thị Thanh	Thảo	09/07/1987	Đà Nẵng	TBK	A288918	IIQT86
03.400.148	Nguyễn Tạ Hoàng	Thảo	07/05/1985	Đà Nẵng	TBK	A288919	IIQT87
03.400.094	Trần Thị Hoài	Thu	17/09/1983	Đà Nẵng	Khá	A288920	IIQT88
03.400.123	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	22/11/1987	Hà Tĩnh	Khá	A288921	IIQT89
03.400.149	Hồ Thị	Trâm	01/03/1987	Quảng Nam	Khá	A288922	IIQT90
03.400.104	Nguyễn Xuân	Trường	01/02/1984	Vĩnh Phúc	Khá	A288923	IIQT91

03.400.124	Lê Thị Hồng	Vân	08/05/1982	Đà Nẵng	Khá	A288924	IIQT93
03.400.114	Lê Thanh Hoàng	Viên	11/04/1984	Đà Nẵng	Giỏi	A288925	IIQT92
03.400.118	Trịnh Tuấn	Vũ	28/04/1984	Thái Bình	TBK	A288926	IIQT94
03.400.120	Nguyễn Thị Anh	Xúng	04/10/1985	Đà Nẵng	TBK	A288927	IIQT95
02.QT.047	Trịnh Sử Trường	Thi	28/08/1986	Đà Nẵng	Khá	A288928	IIQT96
02.QT.019	Hà Phước	Hung	18/12/1985	Quảng Nam	TBK	A288929	IIQT97
02.QT.020	Trần Thị Lan	Hương	10/07/1985	Quảng Bình	TBK	A288930	IIQT98
02.QT.032	Phan Thị Nhã	Phương	27/10/1984	Nghệ An	TBK	A288931	IIQT99
01.QT.036	Nguyễn Văn	An	12/05/1978	Đà Nẵng	Khá	A288932	IIQT100
01.QT.058	Trịnh Thế	Anh	06/02/1982	Hải Hưng	Khá	A288933	IIQT101
01.QT.225	Huỳnh Thị Mỹ	Hoàng	14/05/1983	Quảng Nam	Khá	A288934	IIQT102
01.QT.049	Nguyễn Mạnh	Quang	16/07/1964	Đà Nẵng	Khá	A288935	IIQT103
	QB 2102 ĐT/ĐHDT NGÀY 29/12/2009						
121322641	Thân Trọng Minh	Nhật	150487	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A170384	506CDK23
121322692	Phạm Văn	Son	101087	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170385	507CDK23
121322777	Dương Thị Quỳnh	Trâm	010288	Thừa thiên-Huế	Trung Bình Khá	A170386	508CDK23
121322884	Nguyễn Thị	Nhàn	280888	Bình Định	Trung Bình Khá	A170387	509CDK23
121322911	Phạm Thị Ái	Vinh	120188	Bình Định	Trung Bình Khá	A170388	510CDK23
121322510	Trần Hồ	Hạnh	110187	TP Đà Nẵng	Khá	A170389	511CDK23
121322512	Hoàng Thị	Hạnh	060687	Quảng Bình	Khá	A170390	512CDK23
121322530	Nguyễn Thị Thuý	Hiệp	150588	Gia Lai	Trung Bình Khá	A170391	513CDK23
121322549	Dương Thị Thanh	Huyền	220487	Quảng Bình	Khá	A170392	514CDK23
121322550	Trần Thị Thương	Huyền	190288	Quảng Bình	Khá	A170393	515CDK23
121322556	Trần Thị Phương	Lân	170388	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170394	516CDK23
121322567	Nguyễn Thị	Liên	101187	Quảng Trị	Trung Bình Khá	A170395	517CDK23
121322568	Trịnh Thị Khánh	Linh	240987	TP Đà Nẵng	Khá	A170396	518CDK23
121322582	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	111088	Quảng Bình	Khá	A170397	519CDK23
121322613	Trương Thị Thu	Ngân	031088	Quảng Nam	Trung Bình	A170398	520CDK23
121322614	Trần Nữ Mỹ	Ngân	190288	Bình Định	Trung Bình Khá	A170399	521CDK23
121322625	Phạm Thị Thuý	Ngọc	181087	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170400	522CDK23

121322652	Lê	Ni	010588	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170424	523CDK23
121322687	Trương Thị Thiện	Quyên	281187	TP Đà Nẵng	Khá	A170425	524CDK23
121322742	Dương Đệ Lê	Thanh	021088	Bình Định	Trung Bình Khá	A170426	525CDK23
121322753	Trần Thị	Thu	230787	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170427	526CDK23
121322797	Đào Thị Tuyết	Trang	060187	Đắc Lắc	Trung Bình	A170428	527CDK23
121322803	Nguyễn Thuý	Trang	040687	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A170429	528CDK23
121322860	Phan Thuý	An	161088	Quảng Trị	Trung Bình	A170430	529CDK23
121322887	Nguyễn Trần Châu	Uy	150488	Quảng Ngãi	Trung Bình	A170431	530CDK23
121322919	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	010188	Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170432	531CDK23
121322920	Phan Thị Minh	Phuong	110287	Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170433	532CDK23
K11.C66.1655	Nguyễn Văn	Sang	100386	TP Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A170461	533CDK23
K11.C66.1699	Trần Thị	Vân	201187	Quảng Ngãi	Trung Bình Khá	A170464	534CDK23
K11.C66.1672	Lê Thị	Thơ	061086	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A170403	535CDK23
K11.C66.1693	Đàm Thị Tường	Vi	240787	Bình Định	Trung Bình Khá	A170404	536CDK23
K10.C66.9858	Lương Thị	Hiền	280784	Quảng Nam	Trung Bình	A170406	537CDK23
K10.C66.9656	Lê Anh	Đức	160183	Quảng Bình	Trung Bình	A170407	538CDK23
K09.C66.9771	Nguyễn Anh	Tuấn	101183	QUẢNG NGÃI	Trung Bình	A170405	539CDK23
K11.455.1070	Hoàng	Anh	111086	TT Huế	Trung Bình Khá	A289020	372KK27
K10.404.0543	Huỳnh Thanh	Hùng	011285	Gai Lai	Khá	A289021	373KK27
K09.404.9050	Trần Bá Anh	Khôi	190785	Đắc Lắc	Trung Bình Khá	A289101	374KK27
K10.456.0843	Mai Thị	Trâm	270984	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A289029	203KD32
K11.456.1352	Hồ Ngọc	Quý	170386	Nghệ An	Trung Bình Khá	A289028	204KD32
K10.405.0762	Nguyễn Thị	Lựu	240985	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A289027	205KD32
K11.456.1162	Đinh Phúc	Nguyên	100586	Đà Nẵng	Trung Bình Khá	A289026	206KD32
K11.456.1279	Trương Thị Thu	Hiền	031087	TT Huế	Khá	A289025	207KD32
K11.456.1292	Nguyễn Anh	Hùng	100886	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A289024	208KD32
K11.456.1404	Nguyễn Thị Hải	Triều	280287	Quảng Bình	Trung Bình Khá	A289023	209KD32
K11.456.1406	Nguyễn Hồng	Trung	020386	Quảng Nam	Trung Bình Khá	A289022	210KD32
K10.405.1375	Trần Công	Cao	180781	Gia Lai	Trung Bình	A289033	211KD32
K10.405.0685	Phan Thị	Bích	160986	Quảng Bình	Trung Bình	A289032	212KD32

K10.405.0799	Phạm Tuấn	Phương	100486	Ninh Bình	Trung Bình Khá	A289031	213KD32
K10.405.0848	Nguyễn Thị Thu	Trang	070386	Bình Định	Trung Bình Khá	A289030	214KD32
K09.405.9167	Bùi Thị Lan	Anh	250484	Phú Thọ	TB. Khá	A288985	215KD32
K09.405.1405	Ngô Nguyên	Đức	010181	Quảng Nam	Trung Bình	A289034	216KD32
1578	Phan Ngọc	Hoàng	20/06/1982	BÌNH ĐỊNH	TB	A289065	299XC22
7927	HỒ CHÍ	CƯỜNG	30/01/1983	BÌNH ĐỊNH	T. Bệnh	A289071	293XC22
7933	LÊ TRẦN	ĐẠI	07/12/1982	QUẢNG NAM	T. Bệnh	A289070	294XC22
7945	NGUYỄN THANH	HẢI	11/09/1983	QUẢNG NAM	T. Bệnh	A289069	295XC22
7964	NGUYỄN TIẾN	LONG	08/03/1982	NGHỆ AN	TB Khá	A289068	296XC22
8429	PHẠM DUY	LÊ	01/01/1982	QUẢNG NGÃI	T. Bệnh	A289067	297XC22
8461	TRẦN QUỐC	TUẤN	30/05/1984	QUẢNG TRỊ	T. Bệnh	A289066	298XC22
10.104.0195	TRẦN XUÂN	BÚT	03/08/1985	GIA LAI	TB Khá	A289085	279XC22
10.104.7939	VÕ DUY	HƯNG	01/06/1983	QUẢNG NAM	TB Khá	A289084	280XC22
10.104.0112	NGUYỄN	HOÀNH	20/10/1985	TT - HUẾ	TB	A289083	281XC22
10.104.0211	NGUYỄN CÔNG	HIÊN	05/01/1983	QUẢNG NAM	TB	A289082	282XC22
10.104.8416	CAO XUÂN	HUY	10/07/1984	TT - HUẾ	TB Khá	A289081	283XC22
10.104.0194	NGUYỄN THANH	BÌNH	05/12/1985	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A289080	284XC22
10.104.0230	PHẠM TRẦN	LỰC	11/07/1985	QUẢNG NINH	TB Khá	A289079	285XC22
10.104.0247	TRẦN HOÀNG	PHONG	09/11/1985	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289078	286XC22
10.104.0262	DƯƠNG PHƯỚC	THÔNG	09/11/1983	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A289077	287XC22
10.104.0267	PHẠM QUỐC	TOÀN	03/02/1983	QUẢNG NGÃI	Khá	A289076	288XC22
10.104.0282	BÙI THẾ	VŨ	05/10/1984	HÀ TĨNH	TB Khá	A289075	289XC22
10.104.7967	NGUYỄN THẾ	NAM	18/05/1982	HUẾ	TB	A289074	290XC22
10.104.8403	PHẠM ĐỨC	ĐỒNG	04/06/1984	QUẢNG BÌNH	TB	A289073	291XC22
10.104.8435	NGUYỄN THANH	PHÚC	08/03/1984	QUẢNG TRỊ	TB	A289072	292XC22
1161	Lê Quốc	Cường	27/07/1981	GIA LAI	T. Bệnh	A289016	479XD18
1499	ĐINH VĂN	THIÊN	11/01/1980	GIA LAI	T. Bệnh	A289040	476XD18
1241	PHAN ĐỨC	MINH	19/05/1980	QUẢNG TRỊ	T. Bệnh	A289039	477XD18
1285	NGUYỄN THANH	TÂM	07/09/1978	GIA LAI	T. Bệnh	A289038	478XD18
1418	PHẠM XUÂN	HÒA	03/02/1981	BÌNH ĐỊNH	T. Bệnh	A289037	475XD18

5527	VĂN CÔNG	THẠO	01/02/1982	TT - HUẾ	T. Bệnh	A289036	465XD18
8320	VÕ QUỐC	HOÀNG	27/04/1981	QUẢNG TRỊ	T. Bệnh	A289035	466XD18
8331	LÊ ĐỨC	MINH	01/12/1981	QUẢNG TRỊ	T. Bệnh	A289048	467XD18
1453	NGUYỄN VŨ	LONG	15/09/1982	BÌNH ĐỊNH	T. Bệnh	A289047	468XD18
8283	BÙI VIỆT	BÌNH	09/09/1984	QUẢNG NAM	T. Bệnh	A289046	469XD18
8315	TRẦN NHẬT	HIẾU	29/01/1983	QUẢNG NAM	T. Bệnh	A289045	470XD18
8318	NGUYỄN KHÁNH	HOÀNG	06/10/1985	QUẢNG BÌNH	T. Bệnh	A289044	471XD18
8325	NGUYỄN ĐỨC	KHOA	15/08/1984	ĐÀ NẴNG	T. Bệnh	A289043	472XD18
8352	MÃ NGỌC	TÀI	16/06/1981	NGHỆ AN	T. Bệnh	A289042	473XD18
8373	LÊ MINH	TUẦN	05/07/1984	QUẢNG TRỊ	T. Bệnh	A289041	474XD18
10.103.0136	NGUYỄN TẤN	PHƯƠNG	25/09/1985	QUẢNG NAM	TB Khai	A289100	450XD18
10.103.7910	LÊ ANH	TUẦN	22/07/1982	QUẢNG NAM	TB	A289099	451XD18
10.103.0119	LÊ QUỐC	KHÁNH	20/03/1985	QUẢNG NAM	TB Khai	A289098	452XD18
10.103.8313	PHAN TRUNG	HIẾU	22/01/1984	QUẢNG BÌNH	TB Khai	A289097	453XD18
10.103.0184	TRẦN HOÀI	VĂN	20/04/1984	HÀ NAM NINH	TB Khai	A289096	454XD18
10.103.0103	TRẦN ĐỨC	DUY	14/06/1984	TT-HUẾ	TB Khai	A289095	455XD18
10.103.0117	NGÔ MẠNH	KHƯƠNG	08/03/1985	THANH HOÁ	TB Khai	A289094	456XD18
10.103.0132	LÊ THÀNH	NHÂN	20/05/1986	TT-HUẾ	TB	A289093	457XD18
10.103.0139	TRẦN NHƯ	PHONG	12/11/1983	THANH HOÁ	TB Khai	A289092	458XD18
10.103.0165	TRẦN HOÀI	THANH	04/05/1986	HÀ TĨNH	TB Khai	A289091	459XD18
10.103.0170	BÙI HUY	TOÀN	30/06/1984	NINH BÌNH	Khai	A289090	460XD18
10.103.0180	TRẦN ANH	TUẦN	30/03/1985	QUẢNG TRỊ	TB Khai	A289089	461XD18
10.103.0186	PHAN HẢI	VĨNH	15/12/1986	QUẢNG TRỊ	TB Khai	A289088	462XD18
10.103.0187	PHAN THÀNH	VIỆT	24/05/1984	QUẢNG NAM	TB Khai	A289087	463XD18
10.103.1105	NGUYỄN TIẾN	UYÊN	25/10/1981	HÀ TÂY	TB Khai	A289086	464XD18
121212313	ĐỖ HOÀNG	LONG	23/06/1988	GIA LAI	TB Khai	A170434	533CDX
121212400	VÕ PHƯỚC	THẾ	18/03/1987	QUẢNG TRỊ	TB Khai	A170435	534CDX
121212403	HỒ VĂN	NGUYỄN	03/04/1987	QUẢNG NAM	Khai	A170436	535CDX
121212277	HUỖNH VĂN	DƯƠNG	02/10/1987	QUẢNG NGAI	T. Bệnh	A170437	536CDX
121212310	VÕ VĂN	LANH	26/11/1986	QUẢNG NAM	TB Khai	A170438	537CDX

121212319	TRẦN NGỌC	NĂM	10/04/1983	QUÁING NAM	T. BỆNH	A170439	538CDX
121212263	NGUYỄN THANH	ĐỒNG	31/10/1986	QUÁING BỆNH	TB Khai	A170440	539CDX
121212275	VÕ ĐÌNH	CỬ	19/06/1986	QUÁING BỆNH	TB Khai	A170442	540CDX
121212283	NGUYỄN ĐỨC	DUY	10/10/1986	QUÁING BỆNH	TB Khai	A170443	541CDX
121212320	PHẠM NGỌC	NAM	05/01/1988	NINH BỆNH	TB Khai	A170444	542CDX
121212335	VÕ HOÀI	PHA	20/04/1988	TT - HUẤU	TB Khai	A170445	543CDX
121212355	NGUYỄN XUÂN	THƯ	02/09/1987	QUÁING NGÃI	TB Khai	A170446	544CDX
121212367	ĐÌNH HOÀNG	TÙNG	29/07/1988	QUÁING NGÃI	TB Khai	A170447	545CDX
121212379	CAO BÁ	TRUNG	19/05/1987	NGHÃU AN	TB Khai	A170448	546CDX
K11.C65.1429	NGUYỄN ĐẮC KHÁNG	HUY	19/04/1978	TT - HUẤU	T. Bình	A170449	547CDX
K11.C65.1543	PHẠM	TRUY	06/09/1985	TT - HUẤU	T. Bình	A170450	548CDX
K10.C65.1680	NGUYỄN ANH	TUẤN	30/12/1981	QUÁING BỆNH	TB Khá	A170451	549CDX
K11.C65.1495	PHAN QUỐC	CÔNG	04/01/1986	QUÁING NAM	TB Khá	A170452	550CDX
K11.C65.1531	TRẦN VĂN	THANH	07/07/1984	QUÁING BỆNH	TB Khá	A170453	551CDX
K11.C65.1447	ĐỖ ANH	KIỆT	02/03/1979	GIA LAI	T. Bình	A170454	552CDX
K11.C65.1538	TRẦN VĂN	TIỀN	18/06/1982	QUÁING NAM	TB Khá	A170455	553CDX
K11.C65.1550	HOÀNG	TÂM	09/10/1986	QUÁING BỆNH	T. Bình	A170456	554CDX
K11.C65.1551	NGUYỄN TÀI	TƯƠNG	10/10/1985	QUÁING NGÃI	T. Bình	A170457	555CDX
10.C65.0934	NGUYỄN KIM	HẢI	10/05/1986	NGHÃU AN	T. Bình	A170458	556CDX
10.C65.0942	TRẦN ĐÌNH	KHOA	03/04/1984	GIA LAI	TB Khá	A170459	557CDX
10.C65.0970	LÊ NGỌC	TUẤN	03/09/1985	PHUỖ YẾN	TB Khá	A170460	558CDX
10.C65.0972	LÊ QUANG	TUẤN	21/05/1985	QUÁING TRẺ	TB Khá	A170441	559CDX
7764	Nguyễn Đoàn	Viên	15/07/1982	Quảng Ngãi	TB Khá	A289058	41KTM26
8150	Phạm Tiến	Đạt	04/04/1985	BÌNH ĐỊNH	Khâ	A289123	38KTM26
0923	Lê Doãn	Bảo	26/01/1982	ĐÀ NẴNG	Trung Bnh	A289060	39KTM26
8220	Nguyễn Lưu	Quang	11/05/1983	ĐÀ NẴNG	TB. Khâ	A289061	40KTM26
K11.101.0009	Phan Song	Hào	20/11/1986	Nghệ An	TB Khá	A289062	33KTM26
K11.101.0012	Hồ Hoàng	Hân	24/03/1985	Quảng Nam	Trung bình	A289063	34KTM26
K11.101.0028	Nguyễn Hữu	Phi	08/07/1987	Thanh Hóa	TB Khá	A289064	35KTM26
K11.101.9825	Nguyễn Kỳ	Viễn	10/10/1984	Quảng Ngãi	TB Khá	A289122	36KTM26

K11.101.0046	Phạm Đức	Tuấn	12/11/1987	Quảng Bình	Khá	A289121	37KTM26
K11.102.0081	Trần Minh	Phi	18/03/1985	Đà Nẵng	TB Khá	A289120	21PM25
K11.102.0082	Trần	Quang	27/10/1986	Đà Nẵng	TB Khá	A289119	22PM25
K11.102.0085	Bùi Quang Khánh	Thành	23/12/1986	Đà Nẵng	Khá	A289118	23PM25
K11.102.0087	Nguyễn Đức	Thịnh	26/03/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	A289117	24PM25
K11.102.0080	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	01/08/1987	Đắk Lắk	Khá	A289116	25PM25
K11.102.0097	Lê Minh	Vương	24/01/1984	Bình Định	TB Khá	A289115	26PM25
K11.102.0090	Lê Ngọc	Trung	04/01/1987	Quảng Nam	Khá	A289114	27PM25
K11.103.0132	Nguyễn Mạnh	Hùng	22/07/1987	Quảng Bình	TB Khá	A289105	33TVT48
K11.103.0158	Nguyễn Văn	Tài	04/09/1986	Đắk Lắk	TB Khá	A289104	33TVT49
K11.103.0131	Dương Anh	Hùng	07/09/1986	Đà Nẵng	TB Khá	A289103	33TVT50
6300	Vũ Duy	Long	05/06/1982	ĐÀ NẴNG	TB. Khá	A170423	330CDT
1716	Hoàng Xuân	Dũng	10/10/1986	Quảng Bình	TB Khâ	A170422	329CDT
121133041	Nguyễn Thị	Vân	29/08/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	A170409	316CDT
121133101	Vũ Văn	Quân	03/10/1985	Ninh Bình	TB Khá	A170410	317CDT
121133046	Lê Châu Quang	Viễn	08/09/1988	Đà Nẵng	Khá	A170411	318CDT
121132969	Ngô Hoàng	Anh	12/03/1986	Nghệ An	TB Khá	A170412	319CDT
121133018	Mai Thị	Hồng	05/05/1987	Hà Tĩnh	TB Khá	A170413	320CDT
121133039	Nguyễn Thị	Huệ	24/12/1988	Quảng Ngãi	TB Khá	A170414	321CDT
121133104	Hoàng Mộng	Quốc	12/06/1987	Quảng Nam	TB Khá	A170415	322CDT
121132968	Hoàng Nguyễn Tam	Anh	10/10/1987	Quảng Nam	TB Khá	A170416	323CDT
121133120	Nguyễn Ngọc	Thăng	02/03/1986	Quảng Bình	TB Khá	A170417	324CDT
121132995	Cùng Công	Minh	21/09/1988	Đà Nẵng	TB Khá	A170418	325CDT
121133054	Nguyễn Xuân	Lợi	26/10/1986	Quảng Bình	TB Khá	A170419	326CDT
121132973	Phạm Phú	Cường	29/01/1987	Đà Nẵng	TB Khá	A170420	327CDT
121133180	Nguyễn Vương	Nghị	11/10/1988	Quảng Nam	TB Khá	A170421	328CDT
K11.424.0994	Lê	Na	01/01/1987	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289001	259NH24
K11.424.0905	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	30/08/1986	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A289002	260NH24
K10.424.8916	Nguyễn Trương Xuân	Lập	03/03/1983	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289003	261NH24
K11.424.0941	Lê Minh	Cảnh	16/08/1985	ĐAK LAK	TB Khá	A289004	262NH24

K11.424.0946	Nguyễn Thị Phương	Dung	24/11/1987	GIA LAI	Khá	A289005	263NH24
K11.424.1036	Phạm Hữu	Thông	06/09/1987	QUẢNG NGÃI	Khá	A289006	264NH24
K11.424.1007	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/02/1986	QUẢNG TRỊ	Khá	A289007	265NH24
K11.424.1017	Phạm Hoàng	Phương	03/02/1986	ĐAK LAK	Trung bình	A289008	266NH24
K11.424.0943	Nguyễn Mạnh	Cường	19/10/1986	HÀ TĨNH	Khá	A289009	267NH24
K11.424.1028	Bùi Thị Thanh	Thúy	10/10/1986	QUẢNG NAM	Khá	A289010	268NH24
K11.424.1055	Nguyễn Đăng	Tân	08/03/1987	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A289011	269NH24
K11.424.1003	Đỗ Thị Anh	Nguyệt	17/07/1986	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A289012	270NH24
K11.424.1047	Trương Thị Bảo	Trâm	21/09/1987	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289013	271NH24
K11.424.0961	Nguyễn Ngọc	Hoan	10/05/1986	QUẢNG NAM	TB Khá	A289014	272NH24
K11.424.1040	Lê Vĩnh	Toàn	01/10/1985	ĐAK LAK	TB Khá	A289015	273NH24
413	NGUYỄN TRỌNG	DƯƠNG	19/08/1984	HÀ TĨNH	TB Khá	A289019	274NH24
6188	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	NHI	22/11/1983	ĐÀ NẴNG	Trung bình	A289018	275NH24
8832	TRẦN NHƯ	QUỲNH	05/01/1985	Tuyên Quang	TB Khá	A289017	276NH24
K11.423.0880	Lê Ngọc	Anh	16/05/1985	BÌNH ĐỊNH	TB Khá	A289000	59TC28
K11.423.0877	Nguyễn Vĩnh	An	17/07/1986	QUẢNG TRỊ	TB Khá	A288999	60TC28
K11.423.0930	Phạm Thanh	Viễn	10/05/1985	QUẢNG NGÃI	TB Khá	A288998	61TC28
0389	DƯƠNG VIỆT	SƠN	04/03/1986	QUẢNG TRỊ	TB Khá	A289113	62TC28
K11.400.0700	Đặng Tấn	Duật	04/08/1986	QUẢNG NAM	TB Khá	A288991	626QT14
K11.400.0716	Bùi Thị Thanh	Hoà	29/08/1987	QUẢNG NAM	TB Khá	A288990	627QT14
K11.400.1321	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	23/01/1986	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A288989	628QT14
K09.400.7369	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	18/05/1983	QUẢNG NAM	Trung bình	A288988	629QT14
K11.400.0794	Nguyễn Anh	Toàn	25/05/1984	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A288987	630QT14
K11.400.0789	Hồ Sĩ	Tiến	12/02/1987	QUẢNG BÌNH	TB Khá	A288986	631QT14
0316	HUỲNH ĐỨC	LONG	14/08/1985	QUẢNG NAM	TB Khá	A288995	632QT14
0324	LÊ THỊ THU	QUYÊN	04/04/1985	QUẢNG NAM	TB Khá	A288994	633QT14
7199	LÊ ĐÌNH	NĂM	06/11/1983	ĐÀ NẴNG	Khá	A289124	634QT14
7186	TRẦN XUÂN	LỘC	20/10/1983	TT_HUẾ	Trung bình	A288992	635QT14
6612	MAI THIÃN	HÁI	03/04/1979	THANH HÓA	Trung bình	A288996	636QT14
8116	PHAÛM SY	HUY	20/05/1982	ÃI NÃNG	Trung bình	A289102	638QT14

7214	HÀ PHẠNG DUY	PHONG	25/08/1983	QUẢNG NAM	TB Khá	A288997	637QT14
K11.701.1484	Cao Thị Minh	Tâm	01/01/1987	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289110	905AV11
K11.701.1466	Vũ Thị	Mận	20/05/1986	NINH BÌNH	TB Khá	A289109	906AV11
K11.701.1477	Nguyễn Thị Thanh	Thư	16/10/1985	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289108	907AV11
K11.701.1486	Dương Thị Khánh	Vân	14/05/1986	QUẢNG TRỊ	Khá	A289107	908AV11
9366	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/07/1983	Nghệ An	Trung bình	A289112	909AV11
9510	Hoàng Nguyễn Ngọc	Trung	04/04/1979	ĐÀ NẴNG	Trung bình	A289106	910AV11
7446	Phạm Mạnh	Hùng	25/09/1982	QUẢNG BÌNH	Trung bình	A289111	911AV11
K11.401.0842	Trần Phương	Nhật	15/10/1986	QUẢNG NAM	TB Khá	A289049	492DL13
K11.401.0855	Trần Tấn	Vũ	31/10/1987	BÌNH ĐỊNH	TB Khá	A289050	493DL13
K11.401.0854	Hồ Văn	Vinh	04/07/1984	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289051	494DL13
K11.401.1788	Trương Minh	Khuông	25/11/1986	BÌNH ĐỊNH	TB Khá	A289052	491DL13
8726	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	06/02/0985	QUẢNG NAM	TB Khá	A289054	496DL13
8696	NGUYỄN HÀ	NAM	30/09/1985	ĐÀ NẴNG	TB Khá	A289055	497DL13
K08.401.7321	Trương Công	Nghị	23/01/1983	QUẢNG NAM	TB	A289053	495DL13
07.402.6258	Nguyễn Thị Bích	Trâm	31/12/1982	QUẢNG NAM	Trung bình	A289057	498DL13
3266	HOÀNG TRẦN	SƠN	13/12/1980	QUẢNG NAM	Trung bình	A289056	499DL13
QĐ/2121/ĐT/ĐHDT NGÀY 31/12/2009							
121322482	Đào Nguyễn Phương	Hằng	200685	Hà Nội	Trung Bình Khá	A170463	540CDK23
121322874	Đoàn Thị Hoài	Linh	161088	Quảng Bình	Trung Bình	A170462	541CDK23
K11.401.0822	Nguyễn Tiến	Bản	08/02/1982	QUẢNG NAM	TB Khá	A289126	500DL13

